

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp phải sản xuất được nhiều sản phẩm, cung cấp được nhiều dịch vụ, tiêu thụ được nhanh và thu được lợi nhuận. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp để kịp thời có biện pháp khắc phục.

Để thực hiện điều này, một trong những công việc mà các doanh nghiệp cần phải làm đó là tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng trong quản lý quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp, có quản lý tốt công tác hạch toán kế toán.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: *“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải ”*.

2. Mục đích nghiên cứu

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: Tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong đề tài này tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp tổng hợp
- Phương pháp so sánh
- Hỏi ý kiến chuyên gia và khảo sát thực tế.

5. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu và phần lý luận, đề tài được chia thành 3 phần chính:

Phần I: Một số vấn đề lý luận về kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Phần II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

Phần III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

PHẦN 1:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ
TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phân loại hoạt động và cách xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.

❖ *Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp*

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

➤ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất KD	= DTT về BH và cung cấp DV	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý DN
--	----------------------------------	---	------------------------	---	---------------------	---	-----------------------

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
--	---	---	---	---------------------------------

▪ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

- Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:
 - ✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
 - ✓ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán hàng bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.
 - ✓ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
 - ✓ Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn DN.
- Hoạt động tài chính: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Doanh thu hoạt động} & & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{tài chính} & = & \text{tài chính} & - & \text{động tài chính} \end{array}$$

- Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài

chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Chi phí hoạt động tài chính: bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

➤ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$

- Thu nhập khác: là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.
- Chi phí khác: là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chủ yếu thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.3. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các tổ chức tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.4. Nội dung của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:
 - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
 - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
 - + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- **Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**
 - Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

➤ **Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

- Bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho của các doanh nghiệp). Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, trong đó:

+ Bán buôn: Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa

chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng không tại kho hoặc đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc tại các cửa hàng tiêu thụ.

- Bán hàng qua đại lý: Về bản chất, bán hàng theo phương thức này là bán theo phương thức chuyển hàng. Song, trong trường hợp này, bên giao phải trả cho bên đại lý một khoản tiền gọi là tiền hoa hồng đại lý.

- Bán hàng cho trả góp: Thực chất của phương thức bán hàng này là bán hàng trực tiếp kết hợp với nghiệp vụ cho khách hàng vay vốn. Vì vậy, tiền thu được từ quá trình bán hàng phải chia làm hai phần: Phần doanh thu bán hàng (tính theo giá bán tính tiền một lần) và doanh thu từ hoạt động tài chính (phần lãi cho khách hàng trả góp).

- Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng: Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ: Là việc mua bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tập đoàn. Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Để tính trị giá thực tế hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền ta có thể áp dụng một trong hai cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Trị giá hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được

tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

Như vậy với phương pháp này, chi phí của lần mua gần nhất sẽ tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán. Tuy nhiên, trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó. Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

1.4.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Để hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên kế toán sử dụng các loại chứng từ, tài khoản, sổ sách cũng như cách thức hạch toán như sau:

Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu

- Phiếu kế toán
- Giấy báo có của ngân hàng

Tài khoản sử dụng:

TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Bên Nợ:

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.
- + Khoản giảm giá hàng bán
- + Trị giá hàng bán bị trả lại
- + Khoản chiết khấu thương mại
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Bên có:

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK511 có 5 TK cấp 2:

- + TK5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + TK5112: Doanh thu bán thành phẩm
- + TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK5117: Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư

TK 511 không có số dư cuối kỳ

TK 512 - Doanh thu tiêu thụ nội bộ

- Bên Nợ:

- + Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- + Số thuế tiền thuế đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ, trị giá hàng bán bị trả lại
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương thức trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Bên có:

+ Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán. Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK511 có 3 TK cấp 2:

- + TK5121: Doanh thu bán hàng hoá
- + TK5122: Doanh thu bán thành phẩm
- + TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 512 không có số dư cuối kỳ

TK 521 - Chiết khấu thương mại

- Bên Nợ:

+ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

- Bên Có:

+ Kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hoá
- + Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- + Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

TK 521 không có số dư cuối kỳ

TK 531: Hàng bán bị trả lại

- Bên Nợ:

+Giá trị của hàng bán bị trả lại.

- Bên Có:

+ Kết chuyển toàn bộ giá trị hàng bán bị trả lại sang TK 511 hoặc TK 512

TK 531 không có số dư cuối kỳ

TK 532: Giảm giá hàng bán

- Bên Nợ:

+ Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng

- Bên Có:

+ Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512

TK 532 không có số dư cuối kỳ

TK 632: Giá vốn hàng bán

- Bên Nợ:

+ Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

+ Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

+ Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

+ Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý và giá trị còn lại của bất động sản đem bán, thanh lý.

- Bên Có:

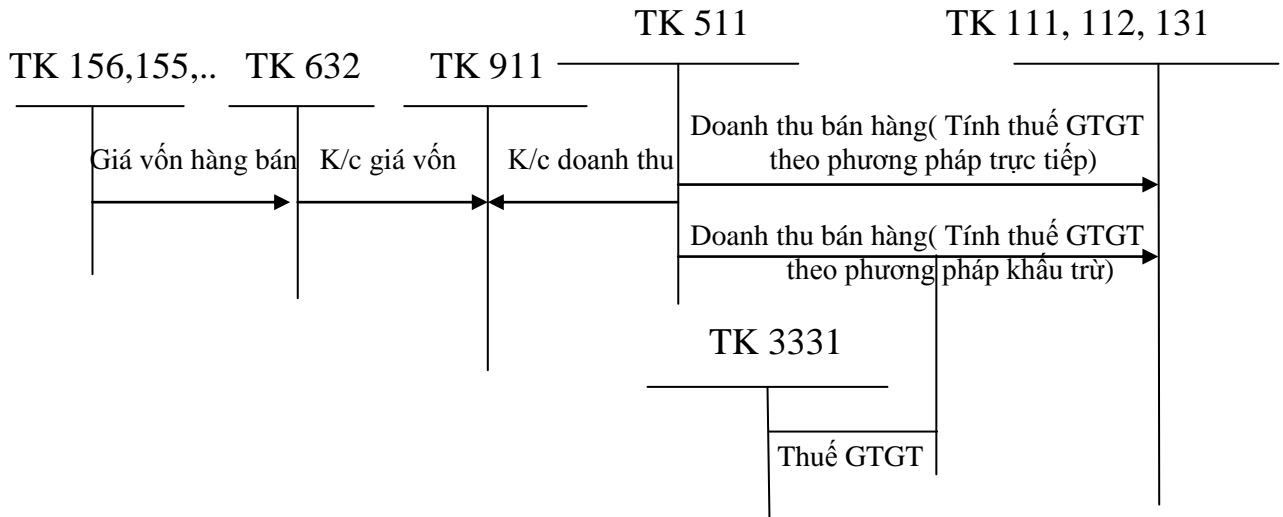
+ Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+ Giá vốn của hàng bán bị trả lại.

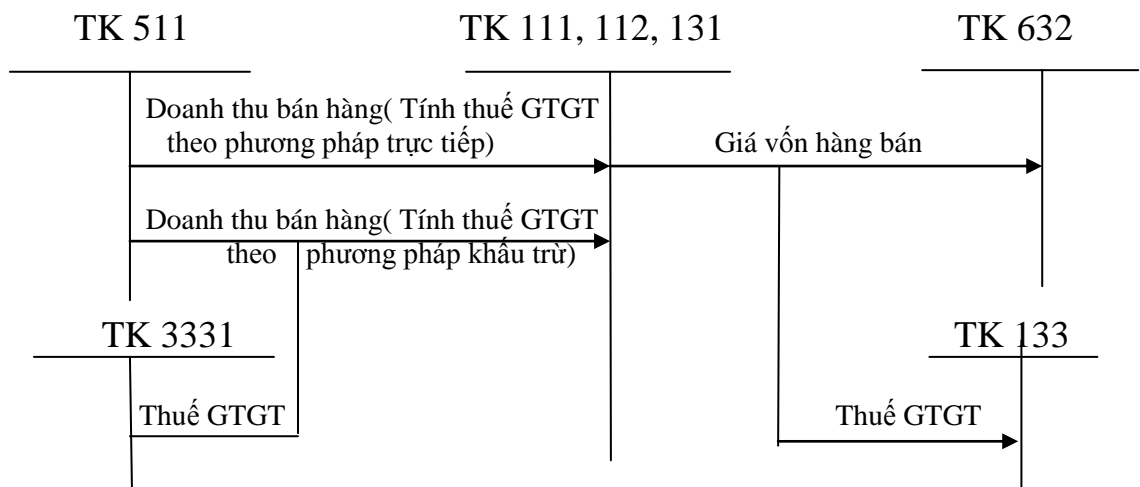
+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

TK 632 không có số dư cuối kỳ

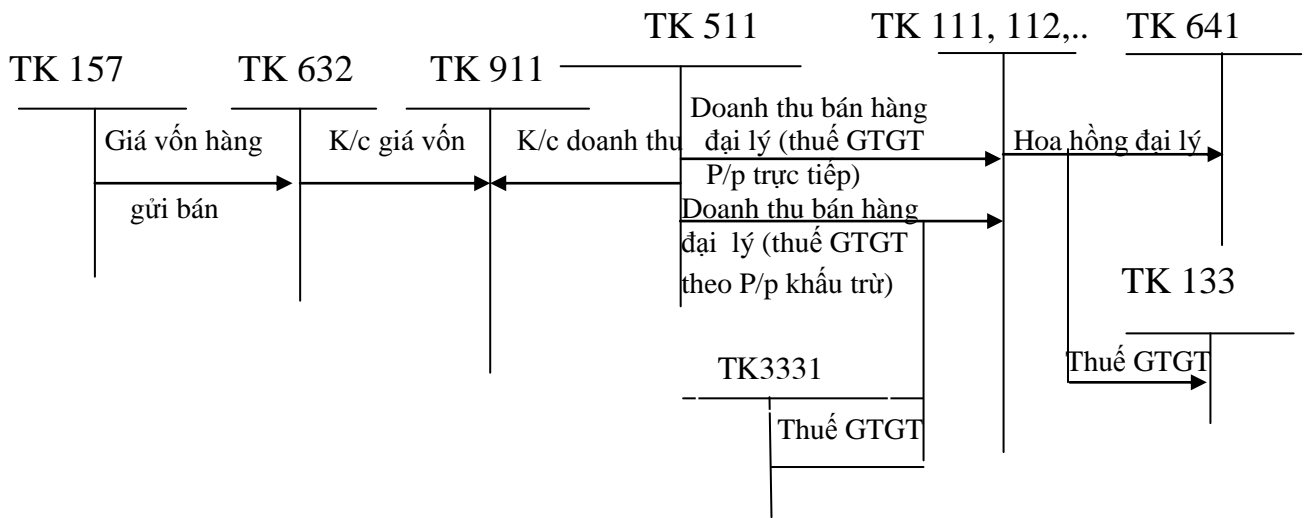
Sơ đồ hạch toán:



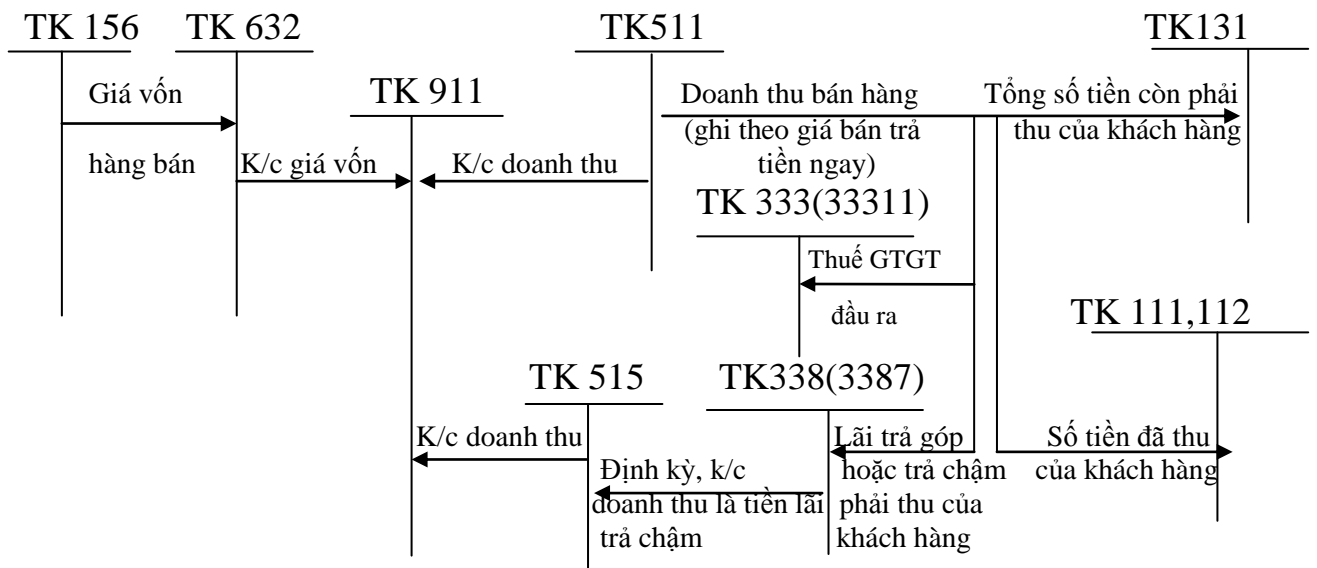
**Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán
(Theo phương thức trực tiếp)**



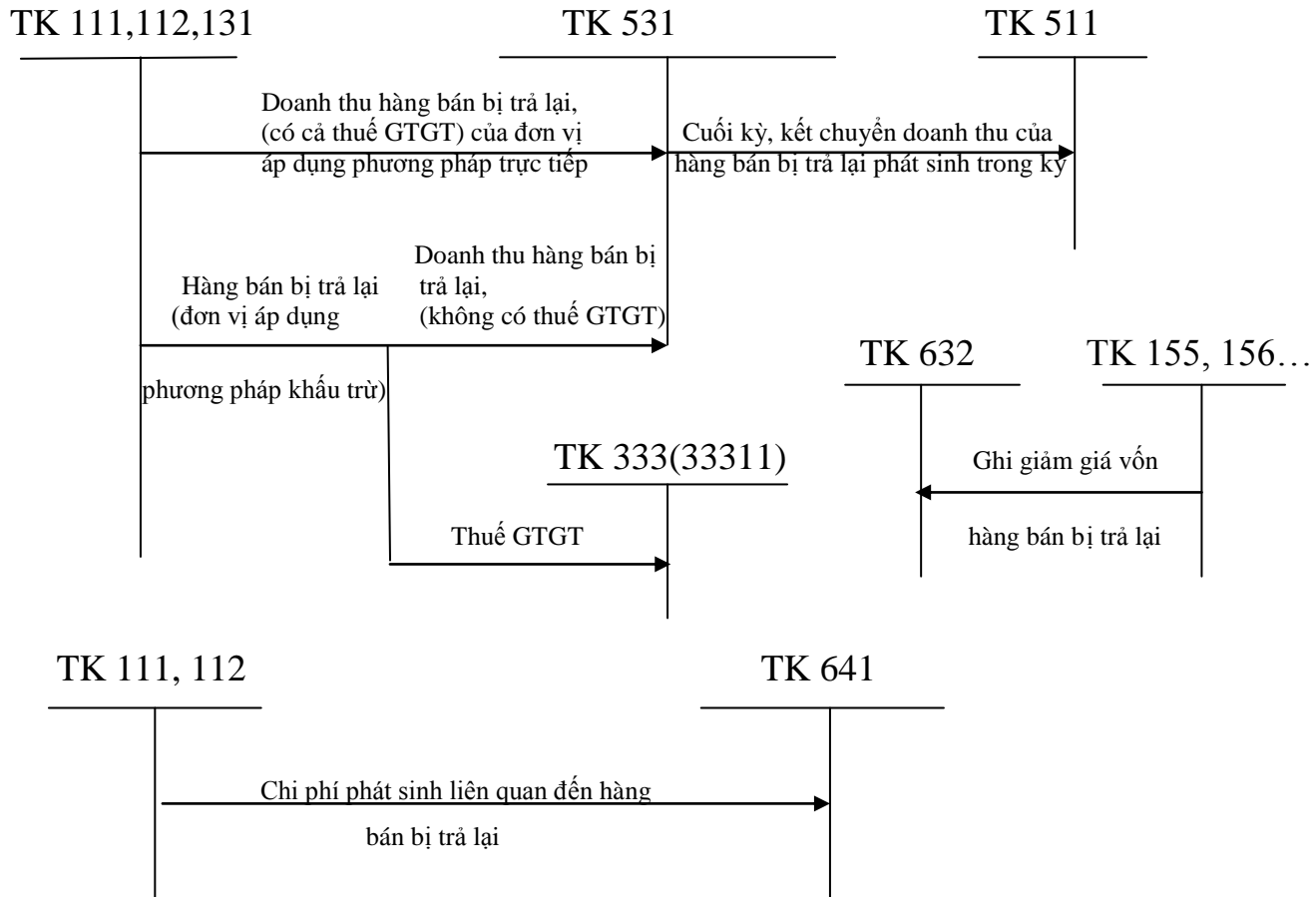
**Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán
(Theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng)**



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán thông qua đại lý ký gửi

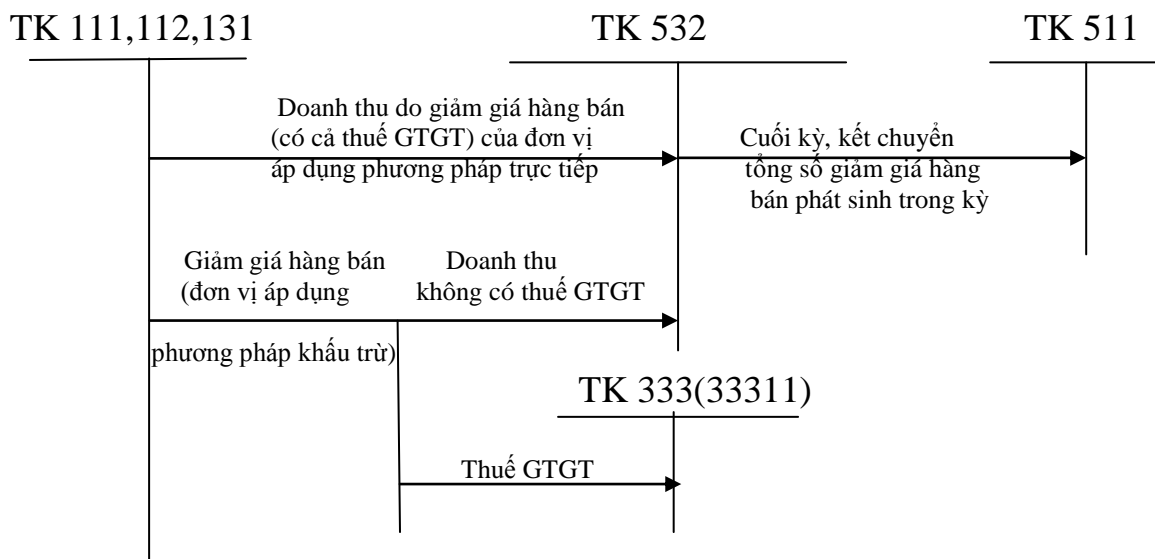


Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn hàng bán
(Theo phương thức trả chậm, trả góp)



Sơ đồ 1.7

Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại:



Sơ đồ 1.8.

Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán:

1.4.1.4. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

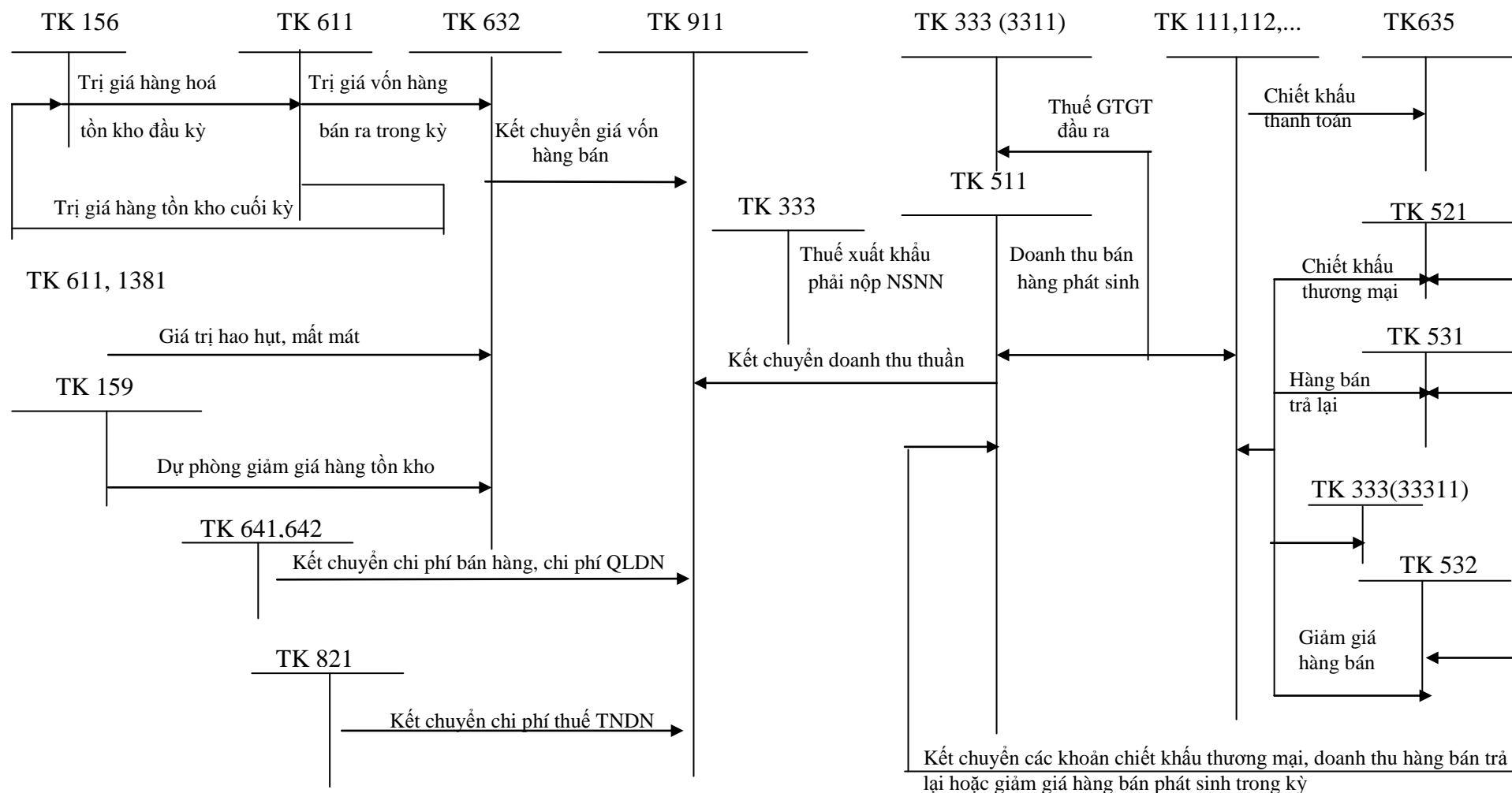
Chứng từ sử dụng:

Giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài khoản sử dụng:

Ngoài các tài khoản mà doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm những tài khoản sau:

- TK 611: Mua hàng
- TK 631: Giá thành sản xuất



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh
 (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

1.4.1.5. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý trong doanh nghiệp là những chi phí cố định mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- *Chi phí bán hàng*: Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng, các chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, các chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

TK 641 - Chi phí bán hàng:

- Bên Nợ:

+ Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên Có:

+ Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911

Tài khoản 641 gồm 07 TK cấp 2:

+ TK 6411 – Chi phí nhân viên.

+ TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì

+ TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng

+ TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ TK 6415 – Chi phí bảo hành

+ TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

TK 641 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Bên Nợ:

+ Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên Có:

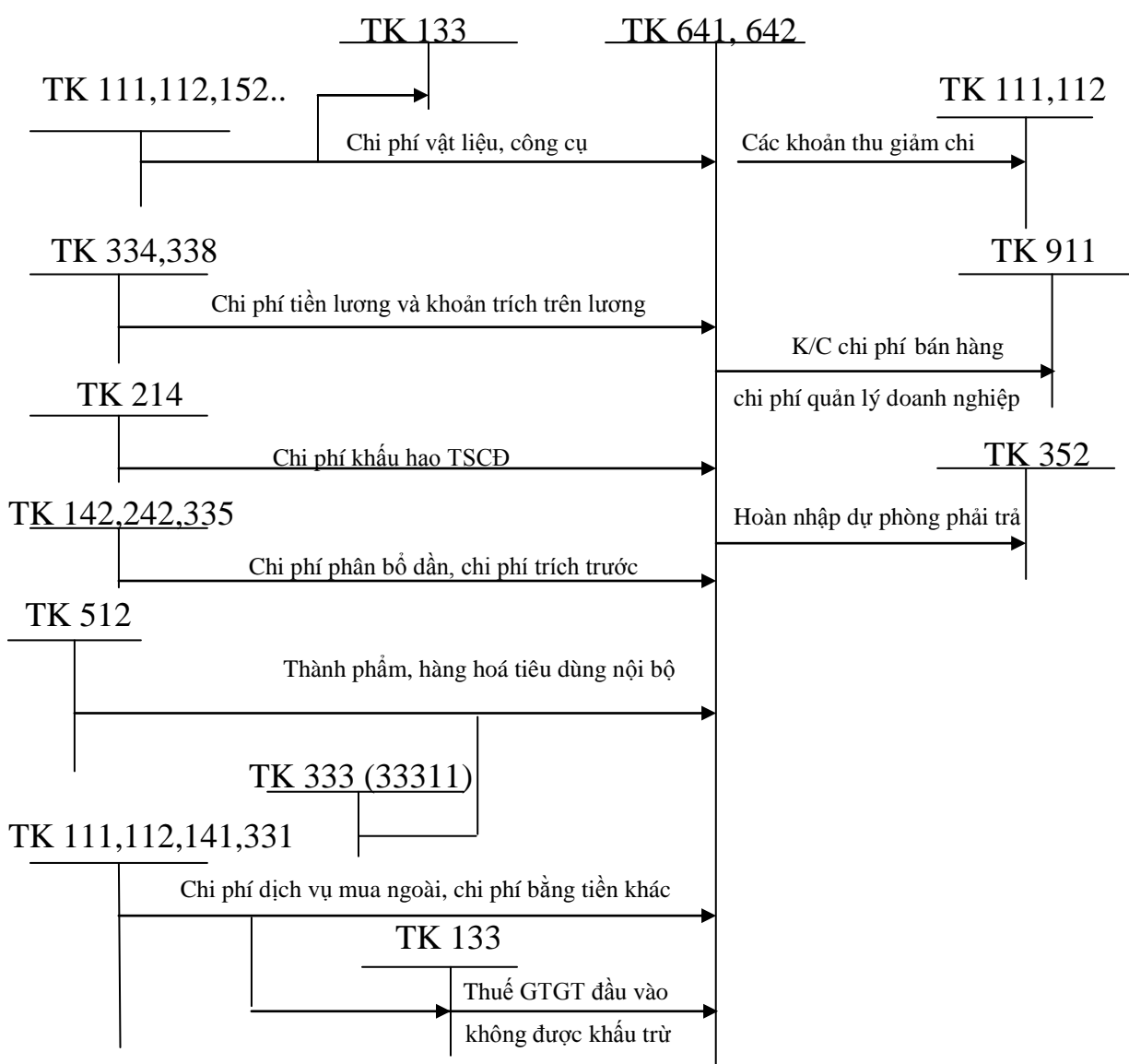
+ Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911

Tài khoản 642 bao gồm 08 tài khoản cấp 2 sau:

- + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426 – Chi phí dự phòng
- + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

TK 642 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

1.4.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.....

TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

- Bên Nợ:

- + Số thuế TGTG phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có:

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + K/c hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư.
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.4.2.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán; chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn; chi phí hoạt động liên doanh; chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn;.....

TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính

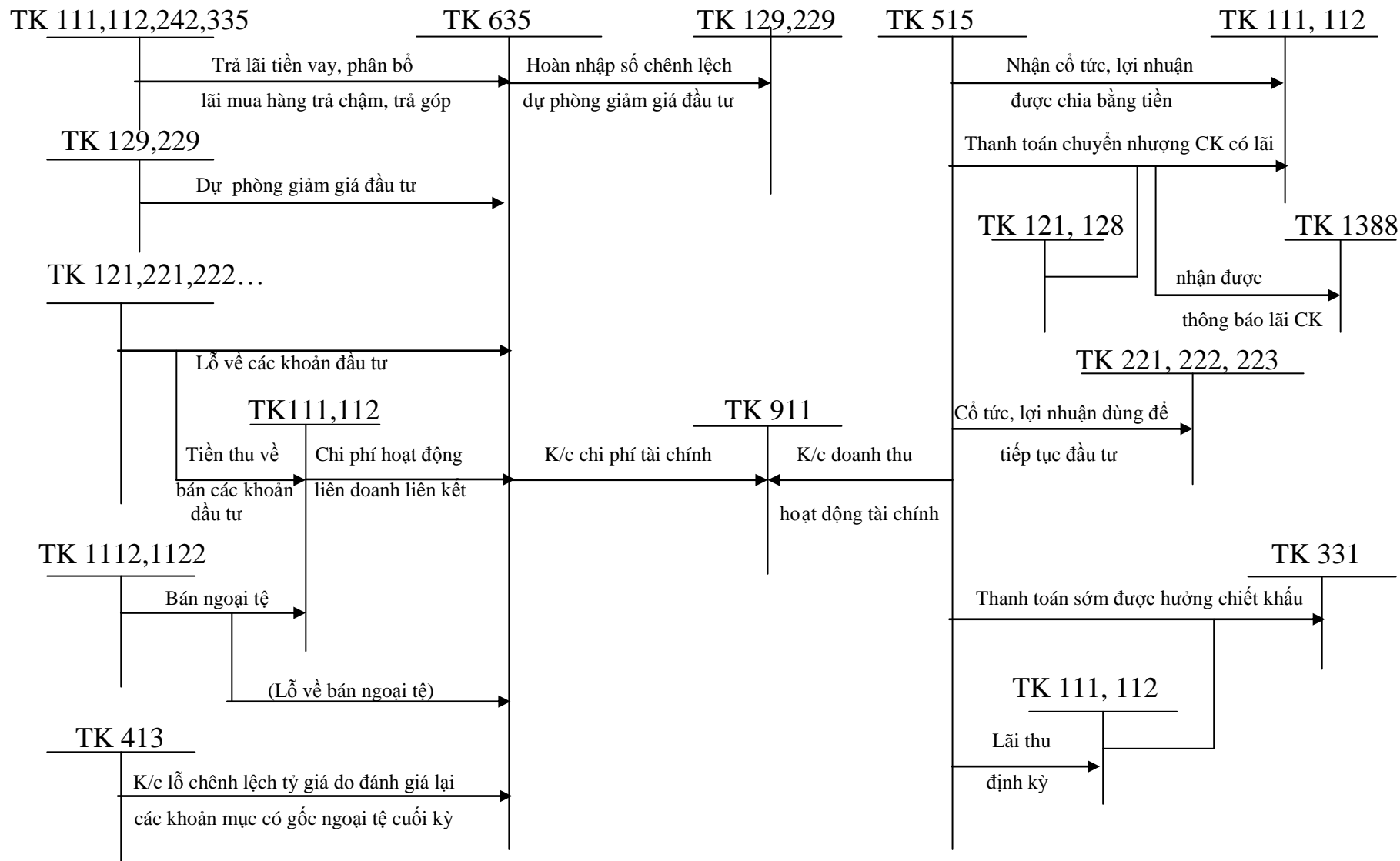
- Bên Nợ:

- + Các khoản chi phí hoạt động tài chính;
- + Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;
- + Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ;
- + Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí tài chính

1.4.3. Tổ chức kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.

1.4.3.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác

Thu nhập hoạt động khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác

- Bên Nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có:

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.4.3.2. Tổ chức kế toán chi phí khác

Chi phí hoạt động khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng...và các khoản chi phí khác bằng tiền.

Tài khoản sử dụng: TK 811 - Chi phí khác

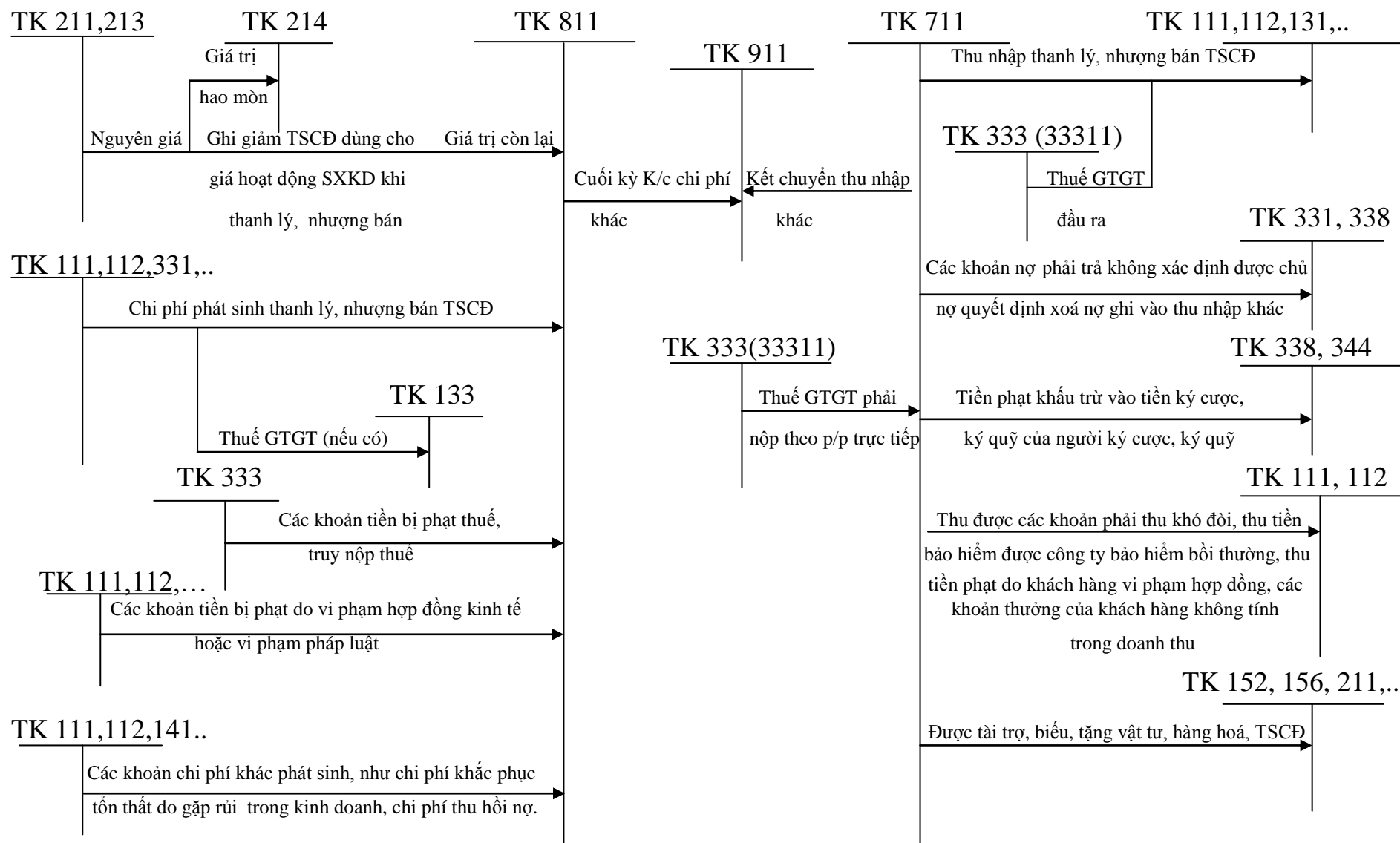
- Bên Nợ:

+ Các khoản chi phí khác phát sinh

- Bên Có:

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

TK 811 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác:

1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng: TK 821 - Chi phí thuế TNDN

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

TK 821- Chi phí thuế TNDN

Bên Nợ:

- + Chi phí thuế TNDN hiện hành PS trong năm;
- + Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót trọng yếu;
- + Chi phí thuế TNDN hoãn lại PS trong năm từ việc ghi nhận thuế TN hoãn lại phải trả;
- + Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại;
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh có TK 8212 lớn hơn số PS bên TK 8212 vào bên Có TK 911

Bên Có:

- + Số thuế TNDNHH thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào CF Thuế TNDNHH đã ghi nhận trong năm
- + Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm CF Thuế TNDNHH trong năm hiện tại
- + Kết chuyển CF thuế TNDNHH vào bên Nợ TK 911-“Xác định kết quả kinh doanh”

TK 821 không có số dư cuối kỳ

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

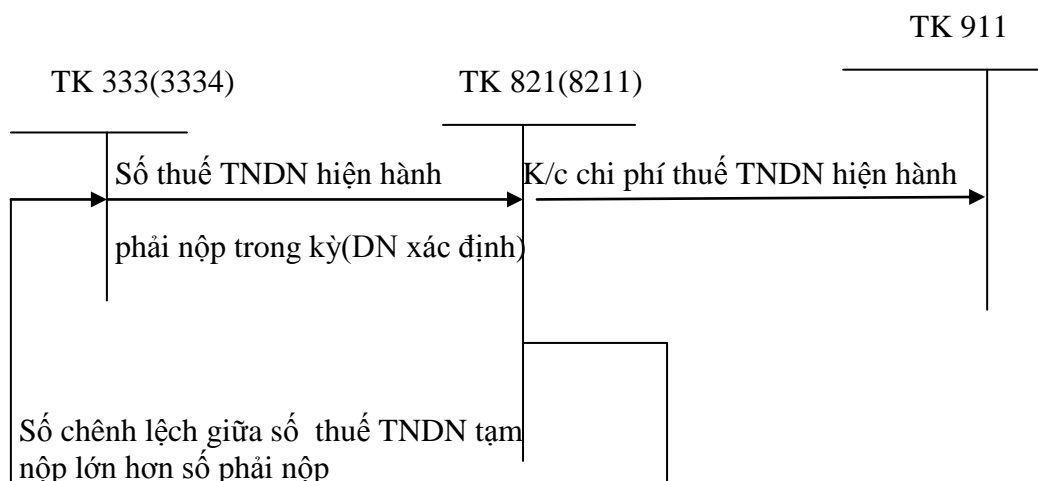
Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- + Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác
- + Chi phí bán hàng và chi phí QLDN
- + Kết chuyển lãi

Bên Có:

- + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
- + Doanh thu hoạt động tài chính
- + Thu nhập khác
- + Lãi về các hoạt động trong kỳ

TK 911 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành

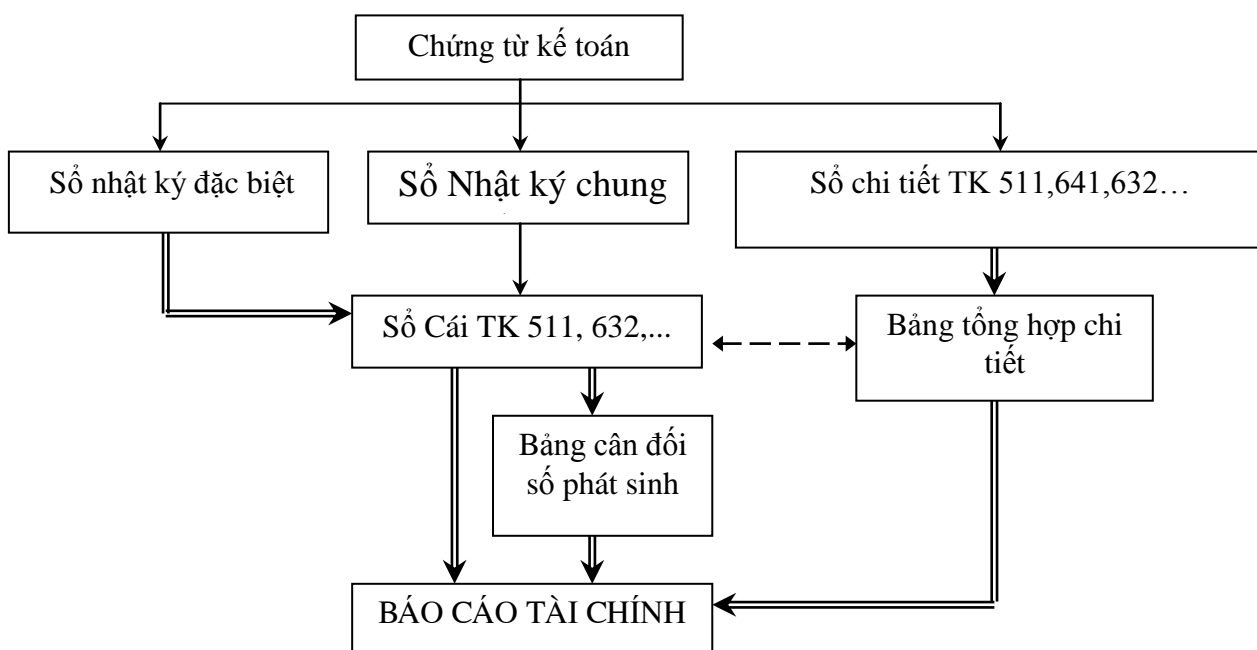
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC

Ghi chú

→ Ghi hàng ngày

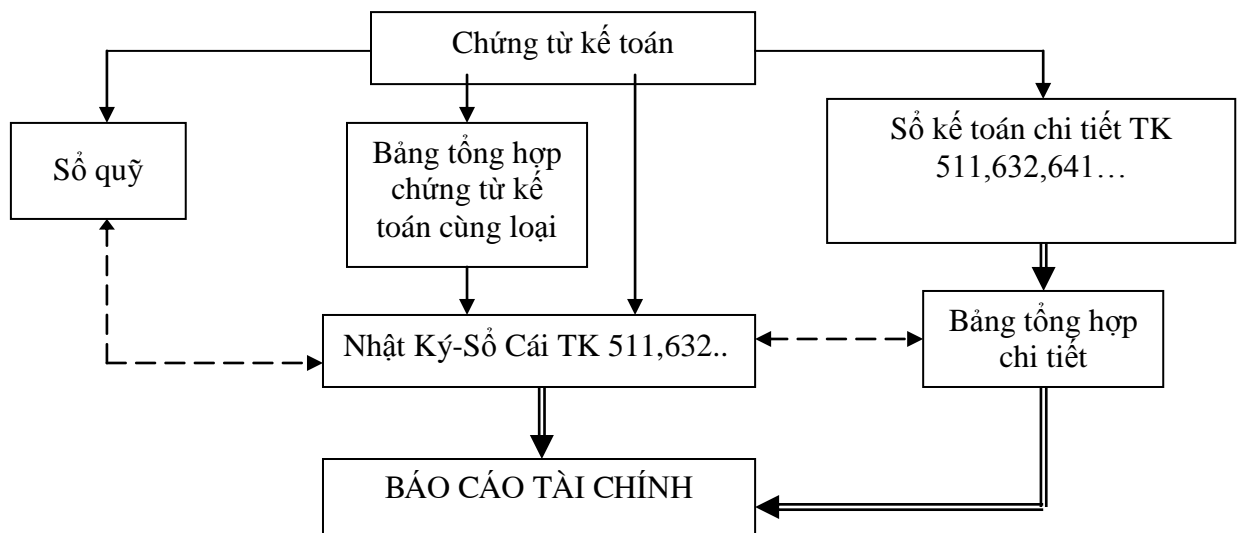
⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.

- Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- Các loại sổ chủ yếu:
 - Nhật ký, sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

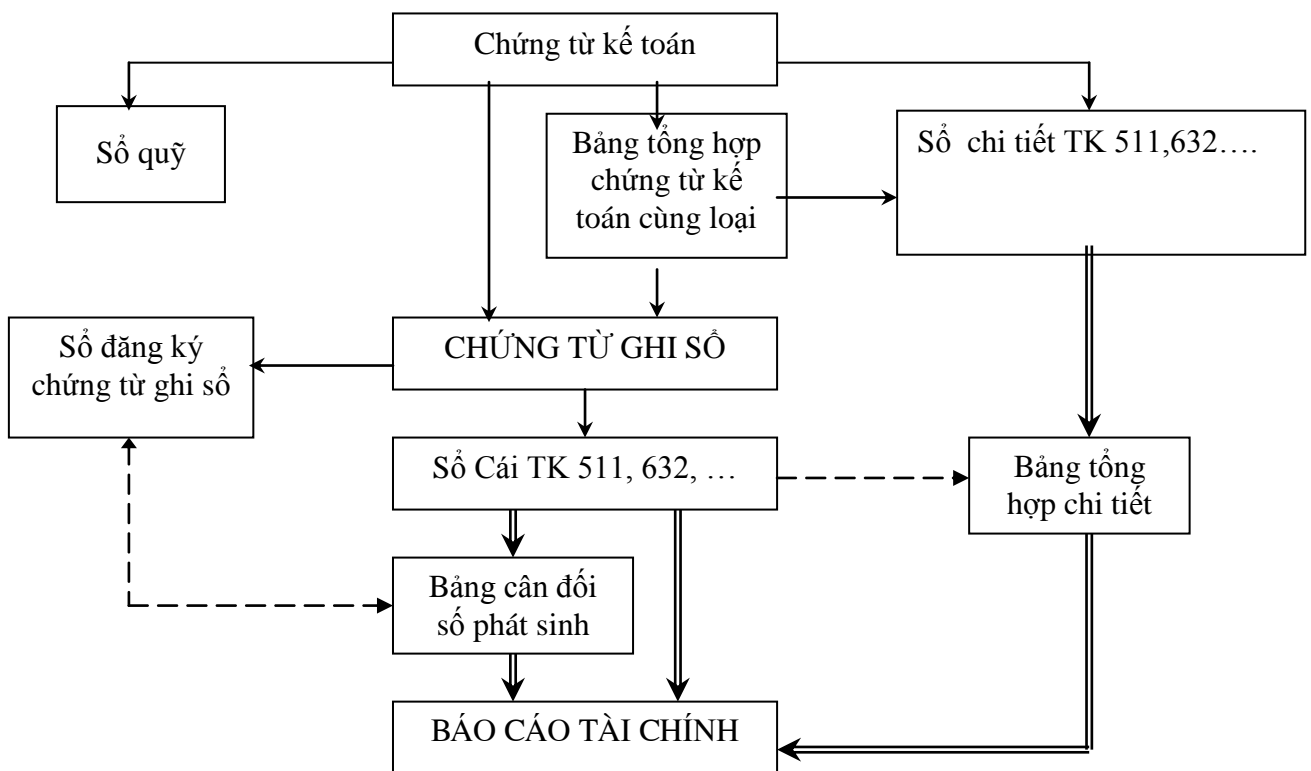


Ghi chú

- Ghi hàng ngày ,
- ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản: Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.
- Các loại sổ chủ yếu:
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái
 - Các sổ kế toán chi tiết

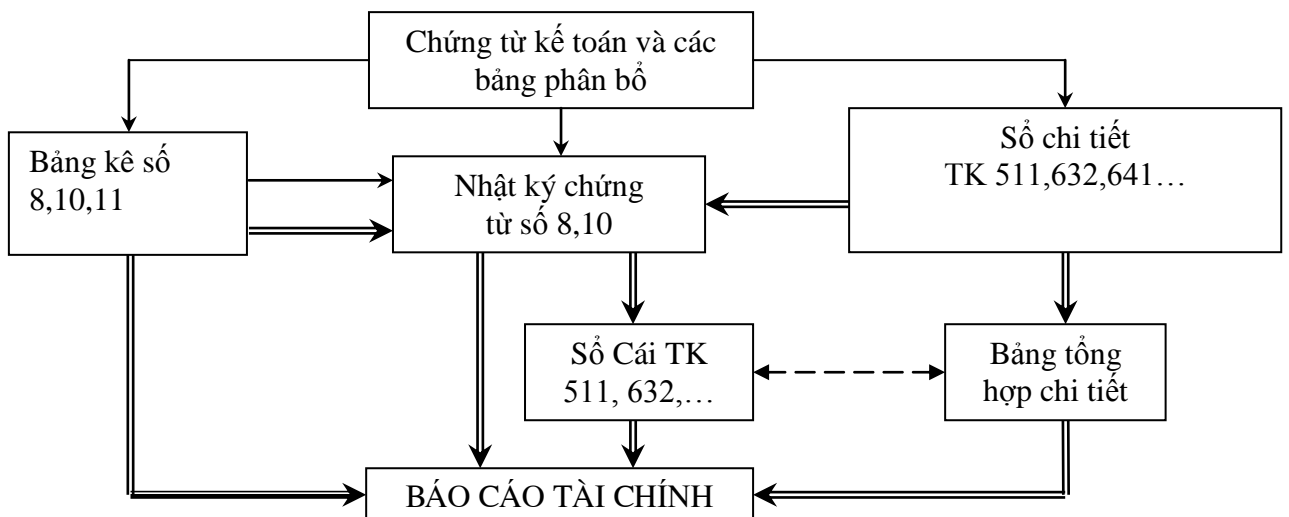


Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

- Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Các loại sổ chủ yếu:
 - Nhật ký chứng từ
 - Bảng kê
 - Sổ cái
 - Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết



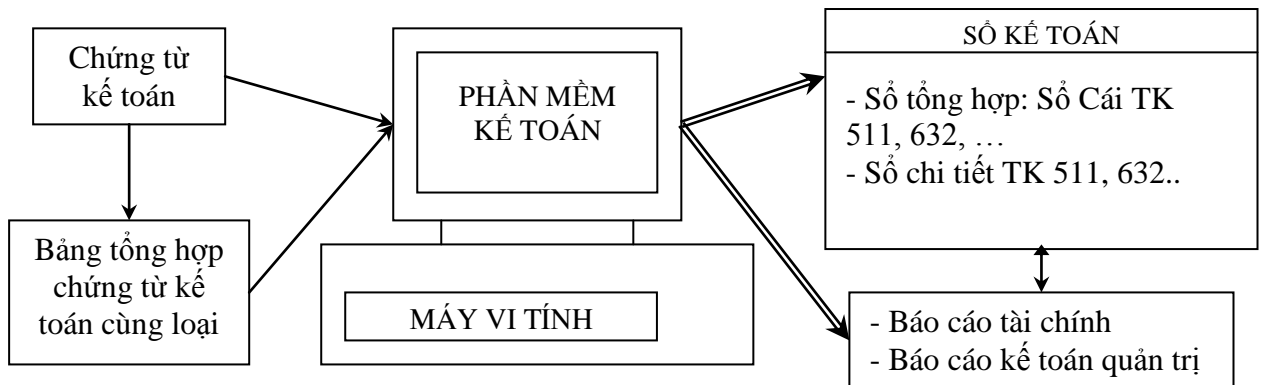
Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ

- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- Các loại sổ chủ yếu: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.

Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



Ghi chú

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

PHẦN 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải.

- Tên công ty viết bằng tiếng việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PHUHAI PRODUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

- Tên công ty viết tắt: **PHU HAI PT.JSC**

- Địa chỉ:

+ Văn phòng: Số 161 Lô 22 Đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại : 031.3213464

+ Xưởng: Số 150, Đường Đình Vũ - Đông Hải - Hải An - Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3555.209

- Fax: (031) 3. 555.209

- Email: phuhaicontainer@vnn.vn

- Website: www.phuhaicontainer.com

- Mã số thuế: 0200793405

- Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu vào 20 tháng 03 năm 2008 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200793405 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Đăng ký thay đổi lần đầu, ngày 26 tháng 11 năm 2010.

* Vốn điều lệ: 3,368,000,000đ

Mệnh giá cổ phần: 1,000,000đ

Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: Số cổ phần: 3,368 cổ phần

Trị giá cổ phần: 3,368,000,000đ

*** Danh sách cổ đông sáng lập**

TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/ địa chỉ trụ sở chính	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số QĐ, Số GCN ĐKKD, Số CMND	Ghi chú
1	Hà Kiến Sở	Số 10 ngõ 297 phường Đông Khê, Ngô Quyền, TP.HP	Phổ thông	2,000	2,000.00	59,38	131476012	
2	Trần Thị Tâm	Số 10 ngõ 297 phường Đông Khê, Ngô Quyền, TP.HP	Phổ thông	1,000	1,000.00	29.69	131233979	
3	Phạm Hoàng Long	Số 44/353 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP.HP	Phổ thông	368	368.00	10.92	030079551	

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

+ Bán buôn các thiết bị chuyên dụng dùng cho sản xuất và sửa chữa container, ván sàn gỗ công nghiệp, gỗ dán, các loại ốc vít chuyên dụng, các phụ tùng chuyên dụng cho container.

+ Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; cho thuê máy móc, thiết bị nâng hạ, bốc xếp, cho thuê xe đầu kéo, xe cầu tự hành.

+ Vệ sinh công nghiệp container phục vụ hàng hóa xuất nhập khẩu trực tiếp.

+ Kho bãi và lưu trữ hàng hóa trong kho; lưu giữ hàng hóa tại kho bãi có mái che và không có mái che.

+ Đóng mới các loại container

+ Mua, bán các loại container .

+ Kho bãi lưu trữ hàng hóa.

+ Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng .

2.1.2.1. Những thuận lợi và khó khăn của công ty:

- **Thuận lợi**

Tuy là một doanh nghiệp mới được thành lập song nhờ có những thuận lợi nhất định mà công ty đã sớm từng bước đi vào hoạt động ổn định. Đó là:

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên, công nhân trong công ty được nâng cao.
- Sự đoàn kết nhất trí cao của người lao động dưới sự lãnh đạo đúng đắn của ban lãnh đạo công ty.
- Uy tín của công ty trên thị trường ngày càng được củng cố và nâng cao, được khách hàng trong và ngoài ngành tín nhiệm.
- Địa điểm của công ty: nằm trong khu kinh tế cảng Đình Vũ, thuộc trục giao thông trung chuyển của thành phố với các tỉnh trong nước.
- Công ty có hệ thống kho và sân bãi rộng có thể lưu trữ một lượng hàng lớn.
- Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Phú Hải thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, giúp cho công tác quản lý dễ dàng thuận tiện.

- **Khó khăn**

- Do khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu ảnh hưởng tới tình hình tài chính của nước ta nói chung, và cũng ảnh hưởng tới tình hình huy động nguồn vốn của công ty nói riêng.
- Sự cạnh tranh gay gắt trong cơ chế thị trường, sự biến động tăng bất thường của giá cả vật tư, nhiên, nguyên vật liệu, nhất là tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Do tốc độ phát triển của thành phố ngày 1 nhanh, nhiều công ty kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải ngày càng nhiều. Nhiều khách hàng quen thuộc của công ty đã bị thu hút bởi đơn giá hấp dẫn, thị trường của công ty bị thu hẹp.

2.1.2.2. Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được trong giai đoạn từ 2009- 2010

- Công ty có đội ngũ công nhân giàu kinh nghiệm với đội ngũ thiết kế Container chuyên nghiệp theo yêu cầu của khách hàng, có kho bãi rộng trên 9.000m², với các dịch vụ vận chuyển hàng hóa thông thường và hàng container ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Chúng tôi cung cấp đầy đủ phương tiện cho tất cả các phương thức dịch vụ hàng hóa. Tạo mối liên hệ gắn kết giữa người gửi, người nhận và chủ hàng là điều mà chúng tôi cố gắng hết sức để đạt được.

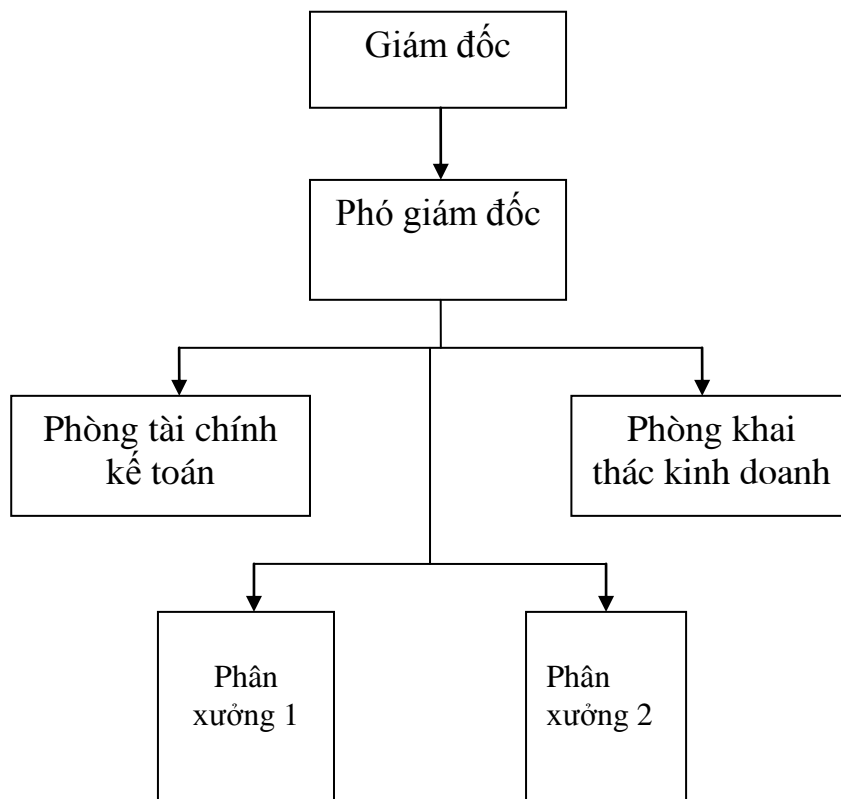
- Công ty là một trong những đơn vị đóng mới, mua, bán và sửa chữa các loại Container tại Việt Nam

- Nhận lưu kho lưu bãi, giữ hàng hóa trong kho ngoại quan

- Được các khách hàng quen thuộc tin cậy bởi sự tiếp đón và giao hàng đúng hẹn, đảm bảo chất lượng tốt trong nhiều năm qua.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức của bộ máy quản lý doanh nghiệp:

Bộ máy quản lý của doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

- Giám đốc: là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và đối với cán bộ công nhân viên công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn công ty.

- Phó giám đốc: Phụ trách điều hành các hoạt động của công ty. Chức năng nhiệm vụ của Phó giám đốc là tham mưu, giúp việc cho Giám đốc công ty

- Các phòng ban chức năng:

+ Phòng Kế toán Tài Chính: theo dõi tình hình tài chính của đơn vị, tình hình nguồn vốn, luân chuyển vốn, theo dõi công nợ, xác định kết quả kinh doanh, ... để cung cấp chính xác quá trình hoạt động của công ty.

+ Phòng khai thác kinh doanh: Chịu trách nhiệm khai thác và nhận lệnh sửa chữa container khi đơn vị bạn yêu cầu, tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu về vận tải, các dịch vụ vận tải.

+ Phân xưởng: nhận sửa chữa container chữa theo đơn đặt hàng

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với hình thức tổ chức công tác kế toán đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung.

Theo mô hình này toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.

Bộ máy kế toán tại công ty gồm có 2 người: kế toán, thủ quỹ.

Kế toán : Vũ Thị Duyên

Thủ quỹ: Nguyễn Thu Hằng

Kế toán: là người trực tiếp chịu trách nhiệm về tình hình kế toán của công ty, theo dõi hoạt động kinh doanh của công ty, cũng là kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty.

- Hằng ngày thu thập chứng từ mua bán hàng hoá, hàng tiêu dùng, lương thực... để phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh đó. Chuyển giao các phiếu thanh toán hợp lệ cho thủ quỹ chi.

Thủ quỹ: có trách nhiệm quản lý tiền mặt, thực hiện thu chi theo đúng nguyên tắc, chế độ.

2.1.4.1. Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

- Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải áp dụng là theo chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Hệ thống tài khoản hiện nay Công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá xuất kho : nhập trước xuất trước

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

* *Hệ thống sổ kế toán:*

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”, hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái;

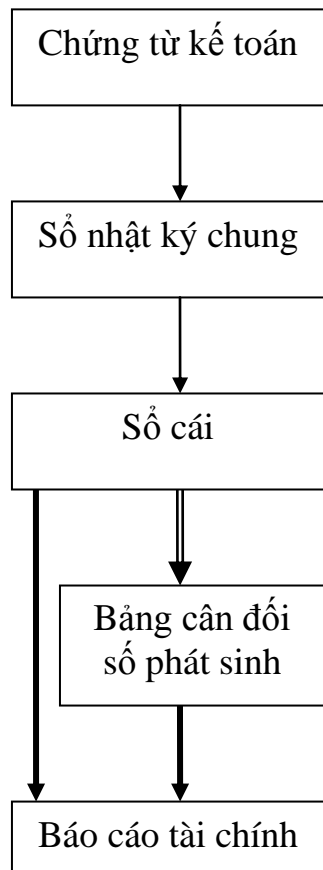
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- Kiểm tra chứng từ: Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- Hoàn chỉnh chứng từ: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như: tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- Luân chuyển chứng từ: Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.
- Lưu trữ chứng từ: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

2.1.4.2. Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “ Nhật ký chung ” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và thao quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC sau đó từ NKC vào sổ sái tài khoản, từ sổ các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập các báo cáo kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ luân chuyển chứng từ tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối năm \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty : Là một doanh nghiệp sản xuất, sửa chữa và cung cấp dịch vụ vì thế doanh thu chủ yếu từ cung cấp các sản phẩm dịch vụ như hoạt động sản xuất, sửa chữa và cung cấp dịch vụ.

2.2.1.1. Các tài khoản sử dụng:

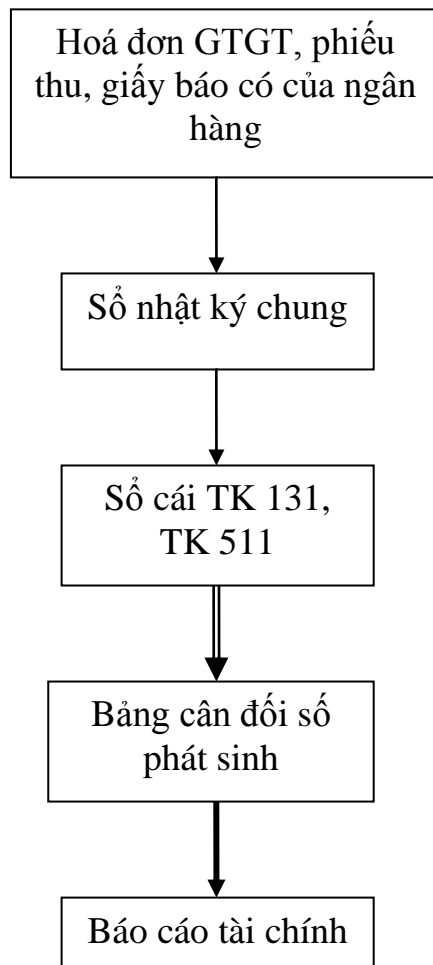
- TK 131: “ Phải thu của khách hàng ”
- TK 3331: “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ”
- TK 511: “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”

2.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:
 - Liên 1:** (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyền hoá đơn
 - Liên 2:** (Màu đỏ) Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.
 - Liên 3:** (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng.

2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ cái TK 131,TK 511, TK111, TK333



Sơ đồ 2.3: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi cuối năm \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Giải thích sơ đồ:

Dựa vào số lượng hàng đã giao và hợp đồng kinh tế đã ký kết, kế toán ghi hóa đơn GTGT.

+ Nếu khách hàng trả tiền ngay có thể bằng tiền mặt (kế toán viết phiếu thu tương ứng với số tiền khách hàng thanh toán) hoặc chuyển ngay trong ngày (nhận được giấy báo Có của ngân hàng), kế toán định khoản:

Nợ TK 111,112

Có TK 511

Có TK 3331

+ Nếu khách hàng có yêu cầu thanh toán chậm, kế toán định khoản:

Nợ TK 131

Có TK 511

Có TK 3331

Dựa vào hóa đơn GTGT và các chứng từ thanh toán, kế toán tiến hành vào các sổ sách có liên quan:

- Nhật ký chung
- Các sổ cái có liên quan

Ví dụ: Ngày 07/09/2010 Công ty thu tiền phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất thép Úc SSE là 13,674,221đ.

Quy trình hạch toán:

- Kế toán lập HĐ GTGT số 002418. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, kế toán lập phiếu thu, sau đó căn cứ vào HĐ GTGT và phiếu thu kế toán vào sổ Nhật Ký chung.

Biểu 2.1: Hoá đơn GTGT số 002418

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT -3LL													
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		BK/2010B													
Liên 3: Nội bộ		0024182													
Ngày 07 tháng 09 năm 2010															
Đơn vị bán hàng: Cty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....															
Địa chỉ: Số 161 Lô 22, Lê Hồng Phong, Đông Khê, NQ, HP															
Số tài khoản:.....															
Điện thoại:0313 555209.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>9</td><td>3</td><td>4</td><td>0</td><td>5</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>			0	2	0	0	7	9	3	4	0	5			
0	2	0	0	7	9	3	4	0	5						
Họ tên người mua hàng: Hoàng Việt Dũng															
Tên đơn vị: Cty Sản xuất thép Úc SSE.....															
Địa chỉ: Số 141, Đình Vũ, Đông Hải, Hải An, Hp															
Số tài khoản:.....															
Hình thức thanh toán: TMMS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>3</td><td>7</td><td>3</td><td>4</td><td>7</td><td>1</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>			0	2	0	0	3	7	3	4	7	1			
0	2	0	0	3	7	3	4	7	1						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3=1x2										
1	Phí sửa chữa container				12,431,110										
Cộng tiền hàng:					12,431,110										
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1,243,111										
Tổng cộng tiền thanh toán					13,674,221										
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi một đồng chẵn./.															
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>											
Hoàng Việt Dũng				Hà Kiến Sở											

Biểu 2.2: Phiếu thu số 94

Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải
Số 161 Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông Khê,
NQ, HP

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006
của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU THU

Số : 94

Ngày 07 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 1111 : 13,674,221

Có TK 511 : 12,431,110

Có TK 3331 : 1,243,111

Người nộp tiền: Hoàng Việt Dũng Công ty sản xuất thép Úc

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do thu: Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc

Số tiền: 13,674,221 (Viết bằng chữ): *Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi tư ngàn hai trăm hai mươi một đồng chẵn./.*

Kèm theo: HĐ số 0024182 Chứng từ gốc.

Ngày 07 tháng 09 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ Quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

(Biểu 2.3: Nhật ký chung)

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

NHẬT KÝ CHUNG

NĂM 2010

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
Phát sinh tháng 9						
02/09/10	PC783	02/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	16,314,822	
				133	1,631,482	
				111		17,946,304
.....						
07/09/10	PT94	07/09/10	Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	111	13,812,345	
				511		12,431,110
				3331		1,243,111
08/09/10	PC805	08/09/10	Thanh toán tiền mua Sơn cho công ty TNHH TM & SX Trung Hiếu	152	3,971,000	
				133	397,100	
				1111		4,368,100
09/09/10	PNK370	09/09/10	Mua NVL của công ty CP Sơn HP chưa trả tiền người bán	152	7,550,000	
				133	755,000	
				331		8,305,000
.....
29/09/10	HD002424197	29/09/10	Phí sửa chữa cont của CN cty CP Bưu điện tại HP	112	201,433,375	
				511		183,121,250
				3331		18,312,125
29/09/10	HD002424198	29/09/10	Phí sửa chữa cont của Cty CP TM Thái Hưng	131	604,383,325	
				511		549,439,386
				3331		54,943,939
.....
30/09/10	PKT42	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	1,543,372,985	
				911		1,543,372,985
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Sổ cái TK 511

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền		
	Số	Ngày CT			Nợ	Có	
....	
Số phát sinh trong tháng 09							
07/09/10	PT94	07/09/10	Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	111		12,431,110	
09/09/10	PT95	09/09/10	Thu tiền bán Container của Công ty Cổ phần Hà Đô 3	112		28,000,000	
15/09/10	PT99	15/09/10	Thu tiền bán Container của Công ty Cổ phần Hòa Bình	112		56,000,000	
25/09/10	HĐ002424186	25/09/10	Thu tiền phí sửa chữa cont của cty CP TM Thái Hưng	112		714,381,239	
29/09/2010	HĐ002424187	29/09/2010	Thu phí sửa chữa cont của CN Cty CP Bru điện tại HP	112		183,121,250	
29/09/2010	HĐ002424188	29/09/2010	Thu tiền phí sửa chữa cont của cty CP TM Thái Hưng	131		549,439,386	
30/09/2010	PKT42	30/09/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	1,543,372,985		
Cộng phát sinh tháng 09						1,543,372,985	1,543,372,985
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 9 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

- Đối với hoạt động sản xuất: Giá vốn là toàn bộ chi phí doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất ra sản phẩm đó.

- Đối với hoạt động thương mại: Giá vốn là toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan để có được hàng hóa đó.

**/ Tài khoản sử dụng:*

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 156: Hàng hóa
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

**/ Chứng từ, sổ sách sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK632, TK154, TK156

**/ Quy trình hạch toán*

Từ các chứng từ và sổ sách kế toán, định kỳ hàng tháng, kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh :

Nợ TK 154

Có TK 621

Có TK 622

Có TK 627

Từ đó kế toán vào sổ cái các TK 621, TK 622, TK 627.

Sau đó kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang TK632.

Nợ TK 632

Có TK 154, TK 156

Biểu số 2.5: Sổ cái TK632

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI
 Năm 2010
 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền		
	Số	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
....	
Số phát sinh trong tháng 09							
07/09/2010	PKT35	07/09/2010	Giá vốn sửa chữa container cho cty SX Thép Úc SSE	154	9,512,070		
09/09/2010	PKT36	09/09/2010	Giá vốn bán container cho công ty Cổ phần Hà Đô 3	156	20,000,000		
.....	
29/09/2010	PKT39	29/09/2010	Giá vốn sửa chữa container	154	89,232,045		
29/09/2010	PKT40	29/09/2010	Giá vốn sửa chữa container	154	332,100,881		
30/09/2010	PKT41	30/09/2010	Giá vốn sửa chữa container	154	381,223,868		
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển giá vốn	911		812,556,794	
Cộng phát sinh tháng 09						812,556,794	812,556,794
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kế toán chi phí bán hàng

Do công ty thực hiện phương thức bán hàng trực tiếp nên chi phí bán hàng của công ty khá đơn giản

***/ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- HĐ GTGT
- Phiếu chi

***/ Tài khoản sử dụng**

- TK 641
- Các TK khác có liên quan: TK111, TK 334, TK 156

***/ Sổ sách kế toán sử dụng**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 641
- Các sổ khác có liên quan
 - Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- Đặc điểm:

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm nhiều loại chi phí như: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí tiếp khách, chi phí khấu hao, thuế, phí và lệ phí, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bằng tiền khác.

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642 - “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Công ty chỉ sử dụng TK cấp 1 mà không sử dụng các TK chi tiết cấp 2. Các chứng từ, sổ sách công ty sử dụng là:

- + Hoá đơn GTGT
- + Phiếu chi, phiếu thu
- + Bảng thanh toán lương
- + Bảng phân bổ khấu hao
- + Sổ cái TK 642

- Quy trình hạch toán:

Hàng ngày căn cứ vào các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ được quy định là chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán định khoản và vào các sổ sách có liên quan (sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642,...)

Ví dụ: 1, Ngày 02/09/2010 Trả tiền phí sửa chữa container cho công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping là 17,946,304đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 641: 16,314,822

Nợ TK 133: 1,631,482

Có TK 1111: 17,946,304

2, Ngày 08/09/2010 Thanh toán tiền điện thoại VNPT là: 436,827đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 397,115

Nợ TK 133: 39,712

Có TK 1111: 436,827

Căn cứ vào các số liệu nói trên và các chứng từ có liên quan kế toán vào:

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK641, Sổ cái TK642

Biểu số 2.6: Hoá đơn GTGT số 001535

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT -3LL														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GT/2010B														
Liên 2: Giao khách hàng		0080409														
Ngày 02 tháng 09 năm 2010																
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH APM Sài Gòn Shipping																
Địa chỉ:																
Số tài khoản:																
Điện thoại:MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>3</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>2</td><td>4</td><td>4</td><td>6</td><td>9</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td></td></tr></table>			0	3	0	1	2	2	4	4	6	9	0	0	2	
0	3	0	1	2	2	4	4	6	9							
0	0	2														
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Tuấn																
Tên đơn vị: Cty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải																
Địa chỉ: Số 161, Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông Khê, NQ, Hải Phòng																
Số tài khoản:																
Hình thức thanh toán: TMMS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>9</td><td>3</td><td>4</td><td>0</td><td>5</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>			0	2	0	0	7	9	3	4	0	5				
0	2	0	0	7	9	3	4	0	5							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3=1x2											
1	Phí sửa chữa container				16,314,822											
Cộng tiền hàng:					16,314,822											
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1,631,482											
Tổng cộng tiền thanh toán					17,946,304											
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm linh bốn đồng./.																
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>												
Nguyễn Văn Tuấn				Nguyễn Đình Chung												

Biểu số 2.7: Phiếu chi số 783

CTy Cp sản xuất và thương mại Phú Hải
Số 161 Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông
Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số : 783

Ngày 02 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 641 : 16,314,822

Nợ TK 133 : 1,631,482

Có TK 1111 : 17,946,304

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Thanh

Địa chỉ: Cty TNHH APM Sài Gòn Shipping.....

Lý do chi: Trả tiền phí sửa chữa cont

Số tiền: 17,946,304 (Viết bằng chữ): *Mười bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm linh bốn đồng./.*

Kèm theo: *HD 0080409*..... Chứng từ gốc.

Ngày 02 tháng 09 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

Biểu 2.8: Nhật ký chung**Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải****NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2010****ĐVT: Đồng**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
Phát sinh tháng 9						
02/09/10	PC783	02/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	16,314,822	
				133	1,631,482	
				111		17,946,304
02/09/10	PC784	02/09/10	Mua sơn của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	621	2,443,670	
				133	244,367	
				111		2,688,037
03/09/10	PC785	03/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	181,818	
				133	18,182	
				1111		200,000
.....						
07/09/10	PT94	07/09/10	Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	111	13,812,345	
				511		12,431,110
				3331		1,243,111
08/09/10	PC805	08/09/10	Thanh toán tiền mua Sơn cho công ty TNHH TM & SX Trung Hiếu	152	3,971,000	
				133	397,100	
				1111		4,368,100
08/09/10	PC806	08/09/10	Thanh toán tiền cước điện thoại VNPT	642	397,115	
				133	39,712	
				1111		436,827
09/09/10	PNK370	09/09/10	Mua NVL của công ty CP Sơn HP chưa trả tiền người bán	152	7,550,000	
				133	755,000	
				331		8,305,000
.....
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 641

CTY CP SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI
Năm 2010
641 - Chi phí bán hàng

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
02/09/2010	PC783	02/09/2010	Thanh toán tiền sửa chữa cont	1111	16,314,822	
03/09/2010	PC785	03/09/2010	Thanh toán tiền sửa chữa cont	1111	181,818	
03/09/2010	PC786	03/09/2010	Thanh toán tiền gửi chứng từ	1111	17,000	
....
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		326,377,514
Cộng phát sinh tháng 09					326,377,514	326,377,514
Số dư cuối năm						

Ngày 30 .tháng 09 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: Biểu số 2.10: Hoá đơn GTGT số 437464

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)**

Liên 2: Giao cho khách hàng (Customer)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
Ký hiệu (Serial No): AC/2010T
Số (No): 437464

Mã số:

0 2 0 0 2 8 7 9 7 7 0 0 2

TT dịch vụ Khách Hàng – VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (Customer's name):

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

Mã số:

0 2 0 0 7 9 3 4 0 5

Địa chỉ: **Số 161, Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng**

Số điện thoại (Tel): **3555209** Mã số (code): **HPG-03-431063(T6DHK3)**

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): **TM/CK**

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 09/2010	
a. Cước dịch vụ viễn thông	397,115
b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c. Chiết khấu + Đa dịch vụ	0
d. Khuyến mại	0
e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ	0
(a+b+c+d)	Cộng tiền dịch vụ (Total) (1): 397,115
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%\times(1) =	Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2): 39,712
(1+2+e)	Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2): 436,827

Số tiền viết bằng chữ (In words): **Bốn trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng**

Ngày 08 tháng 09 năm 2010

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.11: Phiếu chi số 806

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI
Số 161 Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông
Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
QĐ số : 48 – QĐ/BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số : 806

Ngày 08 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 642 : 397,115

Nợ TK 133 : 39,712

Có TK 1111 : 436,827

Họ và tên người nhận tiền: *Nguyễn Thanh Hải*

Địa chỉ: Công ty VNPT

Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại

Số tiền: 436,827 (Viết bằng chữ): *Bốn trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng./.*

Kèm theo: *HĐ 437464*..... Chứng từ gốc.

Ngày 08 tháng 09 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

Biểu số 2.12: Nhật ký chung
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải
NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
Phát sinh tháng 9						
02/09/10	PC783	02/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	16,314,822	
				133	1,631,482	
				111		17,946,304
02/09/10	PC784	02/09/10	Mua sơn của công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	621	2,443,670	
				133	244,367	
				111		2,688,037
03/09/10	PC785	03/09/10	Phí sửa chữa cont của công ty TNHH APM Sài Gòn Shipping	641	181,818	
				133	18,182	
				1111		200,000
.....						
07/09/10	PT94	07/09/10	Thu phí sửa chữa container của Công ty Sản xuất Thép Úc SSE	111	13,812,345	
				511		12,431,110
				3331		1,243,111
08/09/10	PC805	08/09/10	Thanh toán tiền mua Sơn cho công ty TNHH TM & SX Trung Hiếu	152	3,971,000	
				133	397,100	
				1111		4,368,100
08/09/10	PC806	08/09/10	Thanh toán tiền cước điện thoại VNPT	642	397,115	
				133	39.712	
				1111		436,827
09/09/10	PNK370	09/09/10	Mua NVL của công ty CP Sơn HP chưa trả tiền người bán	152	7,550,000	
				133	755,000	
				331		8,305,000
.....
			Cộng phát sinh tháng 09		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 642

CTY CP SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền		
	Số	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
....	
Số phát sinh trong tháng 09							
.....	
08/09/2010	PC806	08/09/2010	Thanh toán tiền cước điện thoại VNPT	1111	397,115		
10/09/2010	PC809	10/09/2010	Chi tiền tiếp khách ở cty TNHH Lôi Châu	1111	496,000		
....	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		242,760,412	
Cộng phát sinh tháng 09						242,760,412	242,760,412
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

- **Đặc điểm**

Về hoạt động tài chính, Công ty không có hoạt động tài chính mà nội dung trên tài khoản chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

- **Tài khoản sử dụng**

- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.

- **Chứng từ, sổ sách sử dụng**

- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 515, TK 635.

Ví dụ: Ngày 30/09/2010 Công ty nhận được giấy báo lãi tiền gửi của ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á Châu CN Hải Phòng, số tiền: 10,924 đồng.

Biểu số 2.14: Phiếu tính lãi tiền gửi không kỳ hạn

Ngân hàng CPTM A Châu Việt Nam

PHIEU TINH LAI TIEN GUI KHONG KY HAN

Tu: 01/09/2010 den: 30/09/2010

Tai khoan: 71116091299

CONG TY CO PHAN SAN XUAT & THUONG MAI PHU HAI

Den ngay	So du	Lai suat	Lai tích luy
18/09/2010	18 944 646.00	3.6000 % nam	2 990.36
23/09/2010	444 646.00	3.6000 % nam	10 612.69
30/09/2010	444 646.00	3.6000 % nam	10 924.00
Lap bieu		Kiem soat	

Biểu số 2.15: Nhật ký chung**Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải****NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh tháng 9			
.....
30/09/10	PT122	30/09/10	Thu tiền bán xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409	1111	16,537,500	
				711		15,750,000
				3331		787,500
30/09/10	TSCĐ52	30/09/10	Ghi giảm giá trị xe ô tô đầu kéo	214	24,500,000	
				811	10,500,000	
				211		35,000,000
30/09/10	PC861	30/09/10	Thanh toán tiền lãi vay T7+T8+T9/2010	635	7,410,000	
				1111		7,410,000
30/09/10	NH56	30/09/10	Giấy báo lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng	1121	10,924	
				515		10,924
30/09/10	PKT42	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính	511	1,543,372,985	
				515	10,924	
				911		1,543,383,909
30/09/10	PKT42	30/09/10	Kết chuyển thu nhập khác	711	15,750,000	
				911		15,750,000
30/09/10	PKT41	30/09/10	Tập hợp chi phí sản xuất	154	381,223,868	
				621		257,201,680
				622		34,517,188
				627		89,505,000
30/09/10	PKT43	30/09/10	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	7,410,000	
				635		7,410,000
.....
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.16: Sổ cái TK515

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền		
	Số	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
....	
Số phát sinh trong tháng 09							
30/09/2010	NH56	30/09/2010	Giấy báo lãi tiền gửi - Ngân Hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng	1121		10,924	
30/09/2010	PKT42	30/09/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	10,924		
Cộng phát sinh tháng 09						10,924	10,924
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái TK635

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI
Năm 2010
635 - Chi phí tài chính

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
30/09/2010	PC861	30/09/2010	Thanh toán tiền lãi vay T7 +T8 +T9/2010	1111	7,410,000	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển chi phí tài chính	911		7,410,000
Cộng phát sinh tháng 09					7,410,000	7,410,000
Số dư cuối năm						

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác của Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải

2.2.4.1. Đặc điểm

Tài khoản sử dụng:

- TK 711: “Thu nhập khác”
- TK 811: “Chi phí khác”

Thu nhập khác: Đây là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu kể trên. Tại công ty các khoản thu nhập khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

Chi phí khác: Đây là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí cho hoạt động khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ, chủ yếu là chi phí từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

2.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, TK 811,

2.2.4.3. Quy trình hạch toán:

Khi phát sinh các nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, kế toán dựa vào các chứng từ gốc để vào sổ sách liên quan: sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711, TK 811.

****/Ví dụ:***

Phiếu thu 122, Ngày 30/09/2010 công ty nhượng bán một xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409 cho công ty TNHH Sao Vàng. Nguyên giá 350,000,000đ, đã khấu hao 240,500,000đ. Giá bán tài sản cố định 15,750,000đ, thuế GTGT 5%. Công ty đã thu bằng tiền mặt.

Đơn vị: Công ty Cổ phần sản xuất và
thương mại Phú Hải
Địa chỉ: Số 161, Lô 22, Đường Lê Hồng
Phong, Đông Khê, NQ, HP

Mẫu số: 02-TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
ngày 14/09/2006 của Bộ tr-ởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

- Căn cứ Văn bản đề nghị xin thanh lý ngày 20 tháng 11 năm 2010 của Phòng TCHC đã đ-ợc giám đốc phê duyệt.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông : Nguyễn Văn Thành - Chức vụ Phó Giám Đốc Công ty - Phó tr-ởng ban
- Bà : Vũ Thị Duyên - Kế toán - Ủy viên

I. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách(cấp hạng)TSCĐ: Xe oto đầu kéo biển số 16H3409
- Nguyên giá TSCĐ: 350,000,000đ

III. Kết luận của Ban thanh lý:

Xe oto đầu kéo biển số 16H3409 chuyên phục vụ chuyên vận chuyển hàng hóa thuê cho Công ty. Qua sử dụng đến nay đã đ-ợc sửa chữa nhiều lần nh-ng do xe quá cũ đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo điều kiện an toàn cho việc giao thông vận chuyển hàng hóa. Do vậy Công ty không còn nhu cầu sử dụng Xe oto đầu kéo biển số 16H3409 này nữa . Trên cơ sở đó ban thanh lý tài sản của công ty đã kiểm tra thực tế và đề nghị Giám đốc cho thanh lý Xe oto đầu kéo biển số 16H3409 trên theo giá thị tr-ờng để thu hồi vốn. Giao cho phòng HCTCLĐTL thực hiện.

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

CÁC THÀNH VIÊN
(Ký)

K/T TRƯỞNG BAN THANH LÝ
(Ký)

Nguyễn Văn Chọn

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

-Chi phí thanh lý TSCĐ..... (viết bằng chữ:.....)

-Giá trị thu hồi: (viết bằng chữ:)

-Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 30 tháng 09 năm 2010

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Phiếu thu số 122

CTy CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI
Số 161, Lô 22, Đường Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU THU

Số : 122

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 1111 : 16,537,500

Có TK 711 : 15,750,000

Có TK 3331 : 787,500

Người nộp tiền: *Nguyễn Minh Đức*

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thu tiền bán xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409

Số tiền: *16,537,500* (Viết bằng chữ): *Mười sáu triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng./.*

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ Quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Biểu số 2.19: Nhật ký chung

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

DVT: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh tháng 9			
.....
30/09/10	PT122	30/09/10	Thu tiền bán xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409	1111	16,537,500	
				711		15,750,000
				3331		787,500
30/09/10	TSCĐ52	30/09/10	Ghi giảm giá trị xe ô tô đầu kéo	214	24,500,000	
				811	109,500,000	
				211		350,000,000
30/09/10	PC861	30/09/10	Thanh toán tiền lãi vay T7+T8+T9/2010	635	7,410,000	
				1111		7,410,000
30/09/10	NH56	30/09/10	Giấy báo lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng	1121	10,924	
				515		10,924
30/09/10	PKT42	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính	511	1,543,372,985	
				515	10,924	
				911		1,543,383,909
30/09/10	PKT42	30/09/10	Kết chuyển thu nhập khác	711	15,750,000	
				911		15,750,000
30/09/10	PKT43	30/09/10	Tập hợp chi phí sản xuất	154	381,223,868	
				621		257,201,680
				622		34,517,188
				627		89,505,000
30/09/10	PKT43	30/09/10	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang sang giá vốn hàng bán	632	381,223,868	
				154		381,223,868
30/09/10	PKT43	30/09/10	Kết chuyển chi phí khác	911	10,500,000	
				811		10,500,000
.....
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.20: Sổ cái TK711

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản : 711 – Thu nhập khác

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
.....			
Số phát sinh trong tháng 09							
30/09/2010	PT112	30/09/2010	Thu tiền bán xe ô tô đầu kéo biển số 16H3409	1111		15,750,000	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển thu nhập khác	911	15,750,000		
Cộng phát sinh tháng 09					15,750,000	15,750,000	
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21 : Sổ cái TK811

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản: 811 – Chi phí khác

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có	
Số dư đầu năm							
.....			
Số phát sinh trong tháng 09							
30/09/2010	TSCĐ52	30/09/2010	GTCL của xe ô tô đầu kéo biên số 16H3409 tại thời điểm nhượng bán	211	109,500,000		
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển chi khác	911		109,500,000	
Cộng phát sinh tháng 09					109,500,000	109,500,000	
Số dư cuối năm							

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi số

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình. Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP bao gồm

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

✚ Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản khác có liên quan

✚ Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD} = \mathbf{\sum DT} - \mathbf{\sum CP} + \mathbf{KQTC} + \mathbf{KQHĐ khác}$$

Trong đó:

Chi phí = Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý DN

KQTC = Doanh thu HĐTC - Chi phí HĐTC

KQHĐ khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Cuối tháng 09 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh . Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan

-Tổng số phát sinh bên Có TK 911: 1,559,133,909

 Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ: 1,543,372,985

 Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 10,924

 Kết chuyển thu nhập khác 15,750,000

-Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911: 1,498,604,720

 Kết chuyển giá vốn hàng bán: 812,556,794

 Kết chuyển chi phí bán hàng: 326,377,514

- | | |
|---|-------------|
| Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 242,760,412 |
| Kết chuyển chi phí tài chính | 7,410,000 |
| Kết chuyển chi phí khác | 109,500,00 |
- Thu nhập chịu thuế = 1,559,133,909 – 1,498,604,720= 60,529,189
 - Thuế TNDN phải nộp = 60,529,189x 25% = 15,132,297
 - Lợi nhuận sau thuế = 60,529,189- 15,132,297= 45,396,892

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

SỐ: 44

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK8211			
	Thuế TNDN phải nộp	8211	3334	15,132,297
	Tổng			15,132,297

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

SỐ: 42

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	1,543,372,985
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	10,924
3	Thu nhập khác	711	911	15,750,000
	Tổng			1,559,133,909

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

SỐ: 43

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	812,556,794
2	Chi phí bán hàng	911	641	326,377,514
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	242,760,412
4	Chi phí tài chính	911	635	7,410,000
5	Chi phí khác	911	811	109,500,00
6	Chi phí thuế TNDN	911	821	15,132,297
7	Lợi nhuận sau thuế	911	421	45,396,892
	Tổng			1,559,133,909

Biểu số 2.22: Nhật ký chung**Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải****NHẬT KÝ CHUNG****NĂM 2010***Đơn vị tính : VND*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Phát sinh tháng 9	..		
.....
30/09/10	PC861	30/09/10	Thanh toán tiền lãi vay T7+T8+T9/2010	635	7,410,000	
				1111		7,410,000
30/09/10	NH56	30/09/10	Giấy báo lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Á Châu CN Hải Phòng	1121	10,924	
				515		10,924
30/09/10	PKT42	30/09/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính	511	1,543,372,985	
				515	10,924	
				911		1,543,383,909
30/09/10	PKT42	30/09/10	Kết chuyển thu nhập khác	711	15,750,000	
				911		15,750,000
30/09/10	PKT43	30/09/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng	911	1,389,104,720	
				641		326,377,514
				642		242,760,412
				632		812,556,794
				635		7,410,000
			Cộng chuyển trang sau		3,903,894,689	3,903,894,689

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang		3,903,894,689	3,903,894,689
30/09/10	PKT43	30/09/10	Kết chuyển chi phí khác	911	109,500,000	
				811		109,500,000
30/09/10	PKT44	30/09/10	Thuế TNDN phải nộp	8211	15,132,297	
				3334		15,132,297
30/09/10	PKT43	30/09/10	Kết chuyển thuế TNDN	911	15,132,297	
				8211		15,132,297
30/09/10	PKT43	30/09/10	Kết chuyển lãi trong kinh doanh	911	45,396,892	
				4211		45,396,892
			Cộng phát sinh tháng 9		4,113,806,275	4,113,806,275

Biểu số 2.23: Sổ cái TK 821

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI

Năm 2010

821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
30/09/2010	PKT44	30/09/2010	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3334	15,132,297	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển thuế TNDN	911		15,132,297
Cộng phát sinh tháng 09					15,132,297	15,132,297
Số dư cuối năm						

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái TK911

SỔ CÁI (NĂM 2010)
911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
Số phát sinh trong tháng 09						
30/09/2010	PKT42	30/09/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		1,543,372,985
30/09/2010	PKT42	30/09/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		10,924
30/09/2010	PKT42	30/09/2010	Kết chuyển thu nhập khác	711		15,750,000
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	242,760,412	
30/09/2010	PKT41	30/09/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	812,556,794	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	326,377,514	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển chi phí tài chính	635	7,410,000	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển chi phí khác	811	109,500,000	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển thuế TNDN	8211	15,132,297	
30/09/2010	PKT43	30/09/2010	Kết chuyển lãi	421	45,396,892	
			Cộng phát sinh tháng 09		1,559,133,909	1,559,133,909
Số dư cuối năm						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25: Sổ cái TK 421

CTY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

SỔ CÁI
Năm 2010
421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính : VND

Ngày, ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày CT			Nợ	Có
Số dư đầu năm						
....
Số phát sinh trong tháng 09						
30/09/2010	PKT423	30/09/2010	Kết chuyển lãi	911		45,396,892
Cộng phát sinh tháng 09						
						45,396,892
Số dư cuối năm						

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHẦN 3:

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM NÂNG CAO LỢI NHUẬN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

3.1.1. Về hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

3.1.1.1. Ưu điểm:

Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy tổ chức hợp lý công tác kế toán này có ý nghĩa hết sức to lớn. Qua quá trình tìm hiểu phần hành kế toán này tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải em nhận thấy có những ưu điểm sau:

- Về chứng từ và luân chuyển chứng từ: Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai thuế nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ như: Phiếu thu, Phiếu chi... có chữ ký duyệt của giám đốc. Sau quá trình luân chuyển, các chứng từ này được bảo quản, lưu trữ tại phòng kế toán theo đúng chế độ hiện hành.

- Về sổ sách: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung” và phương pháp kê khai thường xuyên các chứng từ gốc các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy.

- Về công tác kế toán chi phí hoạt động: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

- Hiện nay sau mỗi quý hoạt động kinh doanh, kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty trong quý qua để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp cho nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

3.1.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế sau:

- **Về việc sử dụng phần mềm kế toán**: Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy, đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để phát huy được tác dụng của máy vi tính trong việc hạch toán kế toán và giảm bớt khối lượng của công việc kế toán.

- **Về hạch toán chi phí nhân công**: Công ty không có chế độ Bảo hiểm cho người lao động, vì vậy làm hạn chế năng suất lao động và sự gắn kết lâu dài của người lao động với công ty.

- **Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán** : Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh, đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu.

Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

- Về sổ sách: Công ty chưa mở đầy đủ các loại sổ sách đúng như QĐ48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của bộ trưởng bộ tài chính. Cụ thể, hiện nay công ty chưa mở các sổ chi tiết dẫn đến khó khăn trong việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết

3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải cần tăng cường nhân viên kế toán nên vấn đề yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra tại công ty.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động

của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

3.2.2. Phương hướng hoàn thiện

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

- Hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học và đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải em đã đi tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Em nhận thấy công ty đã thực hiện khá tốt công tác kế toán này, đáp ứng được yêu cầu quản lý, phù hợp với đặc điểm của công ty và tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số điểm hạn chế, chưa hợp lý, chưa thật tối ưu.

3.2.3. Nội dung và phương hướng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.

Sau thời gian thực tế tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vọng sẽ đóng góp phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại công ty và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

Ý kiến 1: Ứng dụng phần mềm kế toán

Nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác và thuận tiện hơn. Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán của toàn công ty:

+Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại doanh nghiệp. Việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng theo em nghĩ với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, thì sử dụng hình thức này, nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp.

+ Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Ví dụ phần mềm kế toán máy **Fast, Bravo, Misa, Sas Innova...**

+Phần mềm kế toán FAST:

- Fast accounting (phiên bản 10.0) mang lại những tính năng nổi bật như: có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng..), quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện

ích khi nhập số liệu(có thể chuyển từ màn hình nhập liệu này đến màn hình nhập liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải,xem báo cáo trong khi đang nhập số liệu,giao diện bằng ngôn ngữ Việt và Anh...Đây là dòng sản phẩm truyền thống của FAST và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

- Fast Business (phiên bản 3.1): được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là doanh nghiệp lớn.Đây là giải pháp quản trị toàn diện doanh nghiệp với 5 module: tài chính kế toán, quản lý phân phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự và quản lý mối quan hệ khách hàng.

- Fast Financial: là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast accounting và Fast Business, hướng tới doanh nghiệp vừa và lớn, tính năng của phần mềm Fast Financial: cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn,khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh ,nhà máy, đơn vị bán hàng.

- *Giao diện phần mềm kế toán*



+Phần mềm kế toán BRAVO:

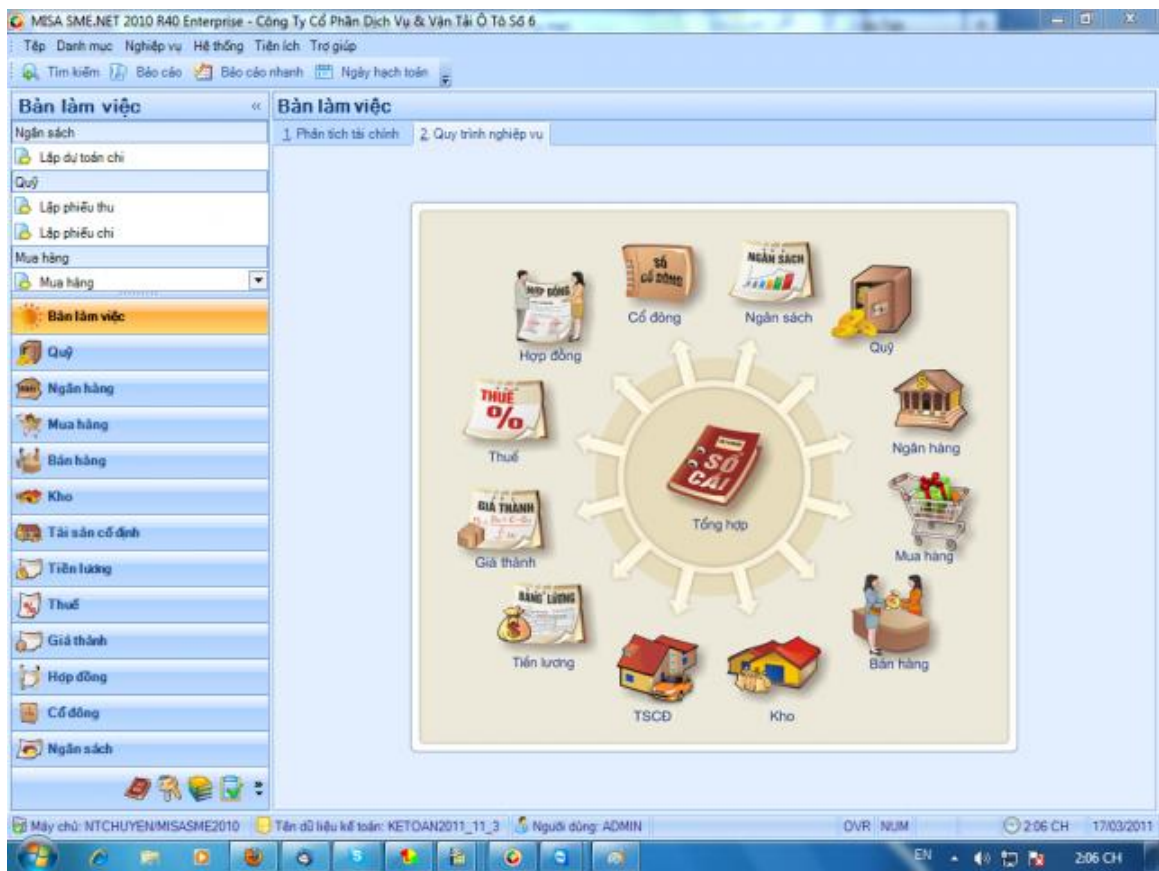
Được xây dựng và phát triển trên cơ sở thực tế quản trị - quản lý tài chính của doanh nghiệp và các quy định của Bộ tài chính cùng với các chuẩn mực kế toán mới nhất của Việt Nam, "Phần mềm quản trị tài chính - kế toán BRAVO" không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng những yêu cầu quản lý kế toán thông thường mà nó còn cung cấp cho khách hàng các giải pháp quản trị tài chính toàn diện. Với phần mềm BRAVO các công việc tập hợp và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận kế toán, kinh doanh, vật tư, kho hàng, nhân sự ... được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và không bị chông chéo (Dữ liệu được nhập tại một đầu vào "1 công đoạn của 1 bộ phận" và sử dụng qua nhiều bộ phận với nhiều kết quả báo cáo đầu ra).

Giao diện phần mềm kế toán BRAVO



+ **Phần mềm kế toán Misa MISA SME.NET 2010** gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt, MISA SME.NET 2010 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Giao diện phần mềm kế toán Misa:



Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy Misa vì nó phù hợp với loại hình kế toán Nhật ký chung của công ty và giá thành cũng phù hợp.

Ý kiến 2: Về hạch toán chi phí nhân công:

Để tạo sự gắn bó lâu dài giữa người công ty với người lao động, công ty nên áp dụng chế độ bảo hiểm phù hợp cho người lao động. Hàng tháng tiến hành trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định:

Nội dung	Người lao động (Trừ vào lương)	Người sử dụng lao động (Tính vào chi phí)
1. Quỹ bảo hiểm xã hội	6%	16%
2. Quỹ bảo hiểm y tế	1.5%	3%
3. Quỹ kinh phí công đoàn	0%	2%
4. Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%
Cộng	8.5%	22%

Ý kiến 3: Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Để đẩy nhanh công tác cung cấp dịch vụ, thu hồi nhanh chóng tiền cước dịch vụ, công ty cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay, tình hình tài chính của công ty cho thấy rằng khoản “ Nợ phải thu” của công ty đến thời điểm ngày 31/12/2010 là trên 725 triệu đồng, một con số khá lớn. Điều này làm ảnh hưởng lớn tới tình hình quay vòng vốn của công ty. Mặt khác vốn của công ty bị khách hàng chiếm dụng quá nhiều nên công ty phải đi vay vốn để thanh toán với nhà cung cấp.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”.

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635 - Chi phí tài chính như sau:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng)

Có TK 131, 111, 112,...

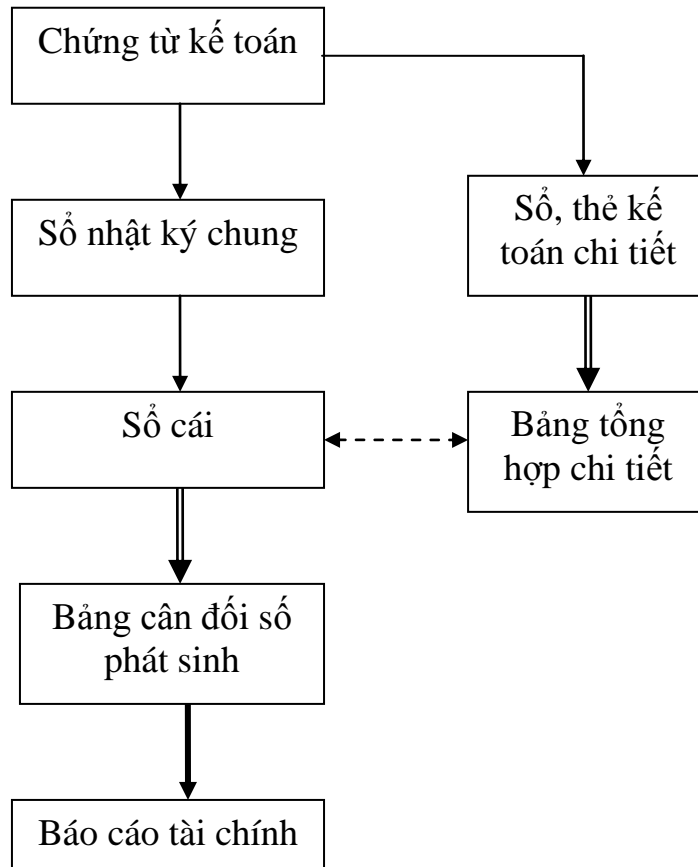
Cuối kỳ, kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng)

Ý kiến 4: Công ty nên mở sổ chi tiết đầy đủ. Nhờ vậy, công ty sẽ dễ dàng và tiết kiệm được thời gian, công sức hơn trong việc tra cứu tìm kiếm các chứng từ khi cần thiết.

Sơ đồ 3.1: *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————>	Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	<----->
Ghi cuối tháng	=====>	Ghi cuối năm	—————>

Công ty nên sử dụng mẫu sổ chi tiết theo QĐ48/2006/QĐ-BTC. Mẫu sổ như sau:

Đơn vị:
Địa chỉ:.....

Mẫu số S17-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

KẾT LUẬN

Đối với mỗi công ty, lợi nhuận hết sức quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty. Để nâng cao lợi nhuận cần tăng doanh thu hoặc giảm chi phí. Đặc biệt, doanh thu phản ánh thị phần của mỗi doanh nghiệp trên thị trường, vì thế ngoài việc quản lý chặt chẽ chi phí thì phải đặc biệt chú trọng đẩy mạnh khả năng tiêu thụ sản phẩm. Để góp phần vào quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vấn đề này và trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, đề tài : **“Hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải”** đã phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Thông qua các nội dung đã trình bày, đề tài đã hoàn thành các nhiệm vụ sau đây:

* **Về mặt lý luận:** đề tài đã nêu lên được những nét chính, nét cơ bản về tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp cụ thể:

- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp
- Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kế toán giá vốn hàng bán
- Kế toán doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính
- Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp
- Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

* **Về mặt thực tiễn:** Đề tài đã phản ánh chi tiết thực tế tổ chức công tác hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải năm 2010 theo hình thức Nhật ký chung. Đề tài đã phản ánh chi tiết công tác lập chứng từ như hóa đơn bán hàng, phiếu thu, phiếu

chi,.....đến việc ghi chép vào sổ sách kế toán như Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản 511, 515, 632, 642,

Trên cơ sở đối chiếu giữa lý luận với thực tế hạch toán kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải, đề tài đã đưa ra một số ý kiến hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải như:

- Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán: Để xử lý và cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác và thuận tiện và giảm bớt đi phần việc của kế toán.
- Về hạch toán chi phí nhân công: Công ty nên áp dụng chế độ bảo hiểm cho người lao động để gắn kết lâu dài của người lao động với công ty
- Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán: nhằm đẩy nhanh doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Công ty nên mở sổ chi tiết đầy đủ. Nhờ vậy, công ty sẽ dễ dàng và tiết kiệm được thời gian, công sức hơn trong việc tra cứu tìm kiếm các chứng từ khi cần thiết.

Với những hạn chế về mặt thời gian nghiên cứu và kiến thức chuyên môn cũng như kinh nghiệm thực tế nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy tác giả rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô giáo và các bạn sinh viên để đề tài được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. Ngô Thế Chi, TS. Nguyễn Trọng Cơ. Giáo trình Phân tích Tài chính doanh nghiệp. Học viện Tài chính. Nhà xuất bản Tài chính.
2. Đào Minh Hà . Khóa luận Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CT CP May Hai .2010. Thư viện Trường ĐHDL Hải Phòng.
3. Chủ biên TS Nguyễn Đăng Nam. Quản trị Tài chính doanh nghiệp.2001.Trường ĐH Tài chính Hà Nội.Nhà xuất bản Tài chính.
4. TS. Võ Văn Nghị. Kế toán tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam. 2001. Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội
5. Nguyễn Thị Thùy. Khóa luận Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần đại lý Hàng Hải. 2010.Thư viện trường ĐHDL Hải Phòng.
6. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp. Trường Đại học kinh tế Quốc dân. Khoa Kế toán. Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
7. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) .Bộ Tài Chính.
8. Web: ketoanthucte.com.vn
9. Số liệu và bảng biểu trích từ Nguồn tài liệu Phòng Kế toán – Tài chính tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Phân loại hoạt động và cách xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.	3
1.2. Nhiệm vụ của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	5
1.3. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	6
1.4. Nội dung của kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	7
1.4.1. Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	7
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.	7
1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp	10
1.4.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	11
1.4.1.4. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	19
1.4.1.5. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp	21
1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp	23
1.4.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính	23
1.4.2.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính	24
1.4.3. Tổ chức kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.	26
1.4.3.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác	26
1.4.3.2. Tổ chức kế toán chi phí khác	26

1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	28
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	31
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	31
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái	32
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	33
1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	34
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	35
PHẦN 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI	36
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải.....	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải	36
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải	37
2.1.2.1. Những thuận lợi và khó khăn của công ty	38
2.1.2.2. Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được trong giai đoạn từ 2009- 2010..	39
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức của bộ máy quản lý doanh nghiệp.....	39
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	40
2.1.4.1. Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải	41
2.1.4.2. Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty	42
2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	44
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải ..	44
2.2.1.1. Các tài khoản sử dụng.....	44
2.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng	44
2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng	44
2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải	51
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	51

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	53
2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải	63
2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác của Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại Phú Hải	67
2.2.4.1. Đặc điểm	67
2.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	67
2.2.4.3. Quy trình hạch toán.....	67
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	73
PHẦN 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ , DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM NÂNG CAO LỢI NHUẬN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚ HẢI	81
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải	81
3.1.1. Về hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	81
3.1.1.1. Ưu điểm:.....	81
3.1.1.2. Hạn chế:.....	82
3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.	83
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	83
3.2.2. Phương hướng hoàn thiện	84
3.2.3. Nội dung và phương hướng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao lợi nhuận tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Phú Hải.....	85
KẾT LUẬN	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95